

Số: 1825/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét miễn học phần,
công nhận và chuyển đổi kết quả học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy định xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quy định số 4442/VBHN-ĐHHN ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét miễn học phần, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập ngày 27 tháng 5 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phần, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho 1059 sinh viên các ngành đào tạo, các trình độ và hình thức đào tạo của Trường Đại học Hà Nội đủ điều kiện theo Quy định.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các sinh viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Trào



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN - KHOA SAU ĐẠI HỌC
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	248LOV1002	Nguyễn Thị Thùy Dương	ITH-LV-32	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/12/2024	71ENG1FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	4	MT	
2	2387062013	Trần Phương Trâm	ITH-NR-31	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SU PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH	21/08/2023	71ENG1FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	4	MT	
3	2487042016	Tô Đàm Hạnh Giang	ITH-T-32	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/01/2025	71ENG1FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	4	MT	

Danh sách gồm 03 học viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC VÀ CÔNG NHẬN,
CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA TIẾNG ANH, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
DANH SÁCH SINH VIÊN CÓ CHỨNG CHỈ NLNN XIN MIỄN CHUẨN ĐẦU RA NLNN													
1	1907010196	Lê Quang Nam	10A-19	Chứng chỉ IELTS		8.5	IDP-Việt Nam	24/05/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
2	1907010338	Nguyễn Minh Ngọc	5A-19	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	02/05/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
3	2107010035	Trịnh Thảo Bình	10A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	15/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
4	2107010065	Bùi Thu Giang	10A-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	24/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
5	2107010086	Đinh Thị Thủy Hải	10A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	23/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
6	2107010093	Phạm Thu Hằng	10A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	15/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
7	2107010194	Nguyễn Thị Hồng Ngân	10A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	07/09/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
8	2107010256	Trần Thị Thảo	10A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	27/08/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
9	2007010070	Cao Thu Hà	12A-20	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	08/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
10	1907040125	Nguyễn Thị Linh	1A-20	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	23/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
11	2107010002	Ngô Thị Bích Phượng	2A-21	Chứng chỉ IELTS		8.5	BC-Việt Nam	21/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
12	2107010037	Vũ Trần Ngọc Châm	2A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	24/11/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
13	2107010225	Đinh Thu Phương	2A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	10/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
14	2107010260	Vũ Minh Thoa	2A-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	14/09/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
15	2107010291	Phạm Quỳnh Trang	2A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	22/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
16	2107010181	Phạm Thị Xuân Mai	3A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	28/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
17	2207010093	Trần Lê Phương Hoài	3A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	22/01/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
18	2007010036	Vương Ngọc Ánh	7A-20	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	14/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
19	2107010183	Nguyễn Nguyệt Minh	7A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	09/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
20	2107010220	Nguyễn Mai Phương	7A-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	17/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
21	2207010066	Nguyễn Hương Giang	7A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	10/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
22	2207010182	Nguyễn Thị Kim Ngân	7A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	03/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
23	2207010251	Nguyễn Sơn Tùng	7A-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	19/01/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
24	2107010149	Nguyễn Diệu Linh	4A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	24/11/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
25	2107010150	Nguyễn Duy Linh	5A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	07/07/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
26	2207010250	Lê Đức Tùng	5A-21	Chứng chỉ IELTS		8.5	BC-Việt Nam	19/01/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
27	2101040125	Vũ Bình Minh	5C-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	30/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
28	2207010161	Trần Ngọc Mai	8A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	13/01/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
29	2007010137	Lê Nguyễn Trung Kiên	9A-20	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	26/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
30	2007010249	Phạm Thảo Minh Phương	9A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	17/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
31	2107010135	Đỗ An Khanh	9A-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	16/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
32	2107010258	Phi Phương Thảo	9A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	15/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
33	2207010153	Vũ Thùy Linh	9A-21	Chứng chỉ IELTS		8.5	BC-Việt Nam	27/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
34	2007010339	Nguyễn Minh Tú	6A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	08/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	

244

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
35	2107010244	Cao Lương Thảo	6A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	05/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
36	2207010024	Phạm Phương Anh	6A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	08/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
37	2004000086	Vương Thu Phương	4K-20	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	01/11/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
38	2104010055	Hứa Nguyễn Thanh Loan	4KT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	28/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
39	2106080058	Nguyễn Thu Hoài	4Q-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	07/10/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
40	2106080076	Nguyễn Khánh Linh	4Q-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	07/10/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
41	2106080124	Lê Minh Trang	4Q-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	17/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
42	1906090073	Vũ Thị Nga	1D-19	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	08/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
43	2106090086	Đỗ Như Quỳnh	1D-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	28/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
44	2106190059	Hoàng Anh Vũ	1D-21C	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	09/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
45	2007070067	Đinh Huyền My	1H-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	22/11/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
46	2104000004	Đỗ Mai Anh	1K-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	14/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
47	2104000017	Hoàng Ngọc Bích	1K-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	01/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
48	2104000048	Nguyễn Thu Hương	1K-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	28/11/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
49	2104040040	Đặng Bảo Hân	1TC-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	26/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
50	3337010060	Nguyễn Đức Nghĩa	1TCA-32	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	23/09/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
51	2101060019	Đoàn Gia Bảo	1TD-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	31/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
52	2267010115	Nguyễn Dương Bảo Ngọc	1VBA22-1	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	10/01/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
53	2001040015	Phạm Thanh Bin	2C-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	15/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
54	2104010105	Nguyễn Phương Trang	2KT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	27/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	

28/11

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
55	2107030020	Trần Anh Đào	2P-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	07/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
56	2004040088	Đỗ Thị Nam Phương	2TC-19	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	09/12/2023	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
57	2101060018	Phạm Thúy Anh	2TĐ-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	25/01/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
58	2106080108	Bùi Thị Nguyễn Phương	3Q-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	01/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
59	2106080132	Trần Phương Uyên	3Q-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	20/02/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
60	2104040090	Đỗ Phương Thảo	3TC-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	26/07/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
61	2104040096	Đỗ Anh Thơ	3TC-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	04/08/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
62	2007010204	Áu Thảo Ngọc	6A-20	Chứng chỉ TOEFL ibt		109	Tổ chức ETS (Hoa Kỳ)	23/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
63	2104010049	Nguyễn Vũ Phương Linh	4KT-21	Chứng chỉ TOEFL ibt		108	Tổ chức ETS (Hoa Kỳ)	12/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
64	2107010239	Nguyễn Ngọc Sơn	2A-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
65	2167010228	Phạm Ngọc Anh	1VBA21-2	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/12/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	

DANH SÁCH SINH VIÊN XIN MIỄN VÀ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP

66	2207030109	Nguyễn Thị Thùy Trang	1P-22	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	7.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/05/2023	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	7.2	
67	2007050142	Nguyễn Ngọc Thùy	1A-21	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	6.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/04/2025	61ENG1SRS	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	6.1	
68	2007070086	Hoàng Hà Phương	1A-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu Khoa học	2	8.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/11/2020	61ENG1STS	Phương pháp Học tập tiếng Anh	2	8.2	
69	2207030073	Nguyễn Ngọc Mai	1A-23	Phương pháp Học tập tiếng Anh	2	8.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/04/2024	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	8.4	
70	2207190018	Nguyễn Minh Châu	1A-23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/04/2025	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	8.4	
71	2207020035	Nguyễn Lê Thùy Dương	1A-24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/05/2023	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	8.1	
72	2207020127	Ngô Thanh Thảo	1A-24	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	7.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/05/2022	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	7.9	
73	2001040007	Nguyễn Thúy Anh	1A-21	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/01/2021	61ENG1SRS	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	MT	

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
74	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	6.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	28/06/2013	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
75	2367010237	Đỗ Kim Dung	1VBA23-2	Phương pháp luận nghiên cứu ứng dụng	3	6.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2022	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
76	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học	2	7.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
77	2467010202	Nguyễn Kim Chi	1VBA24-2	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	9.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2024	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
78	2467010370	Vũ Hương Trang	1VBA24-2	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
79	2207010103	Lê Thu Huyền	7A-22	English Literature III (Văn học Anh III)	6	30	Trường Đại học Tổng hợp Trento	18/03/2025	61ENG3ALP	Chuyên đề văn học Mỹ	2	9.5	
			7A-22	English Language II (Ngôn ngữ Anh)	6	27			61ENG3GR1	Ngữ pháp học tiếng Anh 1	3	9.0	
			7A-22	English Literature III (Văn học Anh III)	6	28			61ENG3LES	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	9.5	
			7A-22	Intercultural communication (Giao tiếp liên văn hoá)	6	26			61ENG4ICP	Chuyên đề giao tiếp liên văn hóa	2	8.5	
80	2107010163	Vũ Thị Thùy Linh	8A-21	English Literature II (Văn học Anh II)	6	27	Trường Đại học Tổng hợp Parma	01/04/2025	61ENG3ALP	Chuyên đề văn học Mỹ	2	9.0	
			8A-21	English Literature II (Văn học Anh II)	6	27	Trường Đại học Tổng hợp Parma	01/04/2025	61ENG3LEC	Văn học các nước nói tiếng Anh	4	9.0	
			8A-21	Instructional Design for Language Teaching and Learning (Thiết kế giảng dạy trong dạy và học ngôn ngữ)	6	30			61ENG4SCD	Thiết kế và Xây dựng Chương trình Giảng dạy	3	10.0	
81	2107010213	Đỗ Kim Oanh	8A-21	English Literature III (Văn học Anh III)	6	28	Trường Đại học Tổng hợp Trento	23/01/2025	61ENG3ALP	Chuyên đề văn học Mỹ	2	9.5	
			8A-21	English Literature III (Văn học Anh III)	6	28		13/02/2025	61ENG3LEC	Văn học các nước nói tiếng Anh	4	9.5	
			8A-21	English Language II (Ngôn ngữ Anh)	6	30		28/01/2025	61ENG4GR2	Ngữ pháp học tiếng Anh 2	3	10.0	
			2A-21	English Literature III (Văn học Anh III)	6	28		23/01/2025	61ENG3ALP	Chuyên đề văn học Mỹ	2	9.5	

20/11

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
82	2107010002	Ngô Thị Bích Phương	2A-21	English Literature III (Văn học Anh III)	6	28	Trường Đại học Tổng hợp Trento	13/02/2025	61ENG3LEC	Văn học các nước nói tiếng Anh	4	9.5	
			2A-21	English Language II (Ngôn ngữ Anh)	6	30		28/01/2025	61ENG4GR2	Ngữ pháp học tiếng Anh 2	3	10.0	
83	2467010010	Trần Thị Ngọc Anh	1VBA24-1	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	15/03/2025	63ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
84	2107190012	Trịnh Tô Châu	1I-21C	Thực hành tiếng A2	8	7.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/01/2025	62ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1A2	3	7.8	
			1I-21C	Thực hành tiếng A2	8	7.8			62ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2A2	3	7.8	
			1I-21C	Thực hành tiếng B1	8	7.5			62ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B1	3	7.5	
			1I-21C	Thực hành tiếng B1	8	7.5			62ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B1	3	7.5	
			1I-21C	Thực hành tiếng B2	12	7.1			62ENG3FL5	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B2	4	7.1	
			1I-21C	Thực hành tiếng B2	12	7.1			62ENG3FL6	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B2	4	7.1	
85	2107030046	Phạm Thu Huyền	1P-21	Thực hành tiếng A2	8	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/06/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1P-21	Thực hành tiếng A2	8	7.3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	7.3	
			1P-21	Thực hành tiếng B1	8	7.6			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	7.6	
			1P-21	Thực hành tiếng B1	8	7.6			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	7.6	
86	2207100012	Võ Mai Anh	2B-22	Thực hành tiếng A2	8	7.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/01/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	7.8	
			2B-22	Thực hành tiếng B1	8	7.8			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.8	
87	2207100056	Nguyễn Thị Lan Trinh	2B-22	Thực hành tiếng A2	8	7.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/01/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	7.0	
			2B-22	Thực hành tiếng B1	8	6.7		10/05/2024	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	6.7	
88	2207190018	Nguyễn Minh Châu	2I-22C	Thực hành tiếng A2	8	8.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/01/2025	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	8.5	
			2I-22C	Thực hành tiếng B1	8	8.0			62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	8.0	
			2I-22C	Thực hành tiếng B2	12	7.6			62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	7.6	
89	2107050071	Trịnh Ngọc Quỳnh Mai	3Đ-21	Thực hành tiếng A2	8	8.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Thực hành tiếng A2	8	8.6			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	8.6	
			3Đ-21	Thực hành tiếng B1	8	8.1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	8.1	
			3Đ-21	Thực hành tiếng B1	8	8.1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	8.1	
90	2107060146	Đỗ Thanh Tâm	4NB-21	Thực hành tiếng A2	8	8.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	03/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4NB-21	Thực hành tiếng A2	8	8.3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	8.3	
			4NB-21	Thực hành tiếng B1	8	7.7			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	7.7	

22/4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
			4NB-21	Thực hành tiếng B1	8	7.7			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	7.7	
91	2207030073	Nguyễn Ngọc Mai	4P-22	Thực hành tiếng A2	8	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/01/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	8.1	
			4P-22	Thực hành tiếng B1	8	7.2		18/05/2024	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.2	
92	1901040227	Lê Thanh Trang	5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/12/2023	61ENG1LS1	Kỹ năng nghe 1(A2-B1)	2	MT	
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1			61ENG1RS1	Kỹ năng đọc 1(A2-B1)	2	MT	
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1			61ENG1SS1	Kỹ năng nói 1(A2-B1)	2	MT	
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1			61ENG1WS1	Kỹ năng viết 1(A2-B1)	2	MT	
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1							
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1							
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1							
			5C-19	Thực hành tiếng A2	14	6.1							
93	2107040144	Tăng Thị Phương	6T-21	Chứng chỉ IELTS		6.5	BC-Việt Nam	02/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			6T-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			6T-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			6T-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
94	2107040088	Dương Thị Liên	4T-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	09/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4T-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
95	2107060132	Nguyễn Thị Thanh Nhân	4NB-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	13/12/2023	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
96	2107050085	Đỗ Thảo Nguyên	4Đ-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	09/05/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
97	2101000047	Nguyễn Thị Thu Thủy	1TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	25/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
98	2107080040	Phạm Thị Phương Linh	3TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0	BC-Việt Nam	09/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

2/2/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
99	2107030103	Nguyễn Thị Huyền Trang	3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.5	BC-Việt Nam	04/01/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
100	2107030078	Lại Mai Quân	2P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	16/11/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
101	2107080059	Nguyễn Phương Thảo	2TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	09/12/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TB-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
102	2107010007	Đào Ngọc Anh	1TT-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	30/09/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			1TT-22	Chứng chỉ IELTS		7.5			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
103	2107030035	Nguyễn Bích Hạnh	3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	07/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ IELTS		6.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
104	2207040004	Đỗ Hải Anh	4T-22	Chứng chỉ IELTS		6.5	BC-Việt Nam	01/08/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			4T-22	Chứng chỉ IELTS		6.5			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
105	2207140010	Đào Thị Ngọc Ánh	2T-22C	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	24/02/2025	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	MT	
			2T-22C	Chứng chỉ IELTS		7.0			62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
			2T-22C	Chứng chỉ IELTS		7.0			62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
106	2107170082	Trần Thu Tâm	3H-21C	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	03/04/2025	62ENG3FL5	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B2	4	MT	
			3H-21C	Chứng chỉ IELTS		8.0			62ENG3FL6	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B2	4	MT	
107	2207170024	Nguyễn Thùy Dương	3H-22C	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	02/04/2025	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	MT	
			3H-22C	Chứng chỉ IELTS		7.5			62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
			3H-22C	Chứng chỉ IELTS		7.5			62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	

22

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
108	1907100009	Tống Thị Duyên	1B-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1B-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1B-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1B-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
109	2107100054	Lê Hương Thảo	1B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
110	2107050056	Nguyễn Ái Linh	1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/10/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
111	2107050086	Hoàng Thu Nguyệt	1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
112	2107050094	Nguyễn Phương Oanh	1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/11/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
113	2107050124	Lê Phương Trang	1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/06/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
114	2007070007	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
115	2007070043	Nguyễn Diệu Huyền	1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
116	2007070129	Vũ Thị Mai Vy	1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
117	2107070026	Nguyễn Thị Hòa	1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

2/2/2025

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
118	2107070058	Luyện Thị Minh Phụng	1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
119	2107020091	Đỗ Thị Nhật Minh	1N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
120	2107060053	Nguyễn Vũ Minh Hạnh	1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
121	2007030109	Trần Thị Hồng Vân	1P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
122	2107030065	Lê Kim Ngân	1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

2024

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
123	2107030110	Đàm Thị Kim Tuyền	1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
124	2107030116	Nguyễn Thị Hải Yến	1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
125	2007040076	Phạm Hải Hoa	1T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
126	2107040029	Nguyễn Trọng Đạt	1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/12/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
127	2107040157	Nguyễn Như Quỳnh	1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/12/2024	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

2/1/2025

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
128	1901000031	Nguyễn Quốc Huy	1TT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2023	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
129	2101000006	Ngô Thị Thuý Anh	1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
130	2101000014	Nguyễn Chí Công	1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
131	2101000028	Phạm Mai Linh	1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	18/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
132	2101000044	Đoàn Thanh Thảo	1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

244

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
133	2107100067	Nguyễn Thanh Tùng	2B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/11/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
134	1907050039	Phạm Thị Khánh Duyên	2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
135	1907050072	Mai Ngọc Linh	2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
136	1907050137	Trần Thị Vương Thúy	2Đ-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
137	2107050032	Nguyễn Thu Hà	2Đ-21	chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-21	chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-21	chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-21	chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

nh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
138	2107050040	Nguyễn Trần Minh Hiếu	2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
139	2107050041	Bùi Phương Hoa	2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
140	2007070113	Ngô Thị Kiều Trang	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
141	2107070016	Lê Trà Giang	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
142	2107070019	Trần Diên Hà	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

20/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
143	2107070021	Trần Thị Thu Hằng	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
144	2107070025	Vi Thanh Hoa	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
145	2107070052	Đinh Thu Ngân	2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
146	2107090029	Nguyễn Thu Giang	2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
147	2107090039	Hà Minh Khanh	2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

20/4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
148	2107090059	Vũ Thu Nga	2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
149	2107020112	Lê Thị Nhân	2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
150	2107020140	Phạm Thanh Thảo	2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
151	2007060030	Bùi Doãn Đạt	2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
152	2007030092	Trần Đăng Thức	2P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	02/11/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

2/11/2024

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
153	2107030003	Lê Hồng Anh	2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/12/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
154	2107030057	Mai Sao Mai	2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
155	2207030064	Bùi Thảo Linh	2P-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/11/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			2P-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
156	2107040197	Phùng Thị Trang	2T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/06/2024	61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
157	2207080029	Cao Thị Thùy Dương	2TB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/01/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			2TB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
158	2207080100	Võ Hoàng Hiệp	2TB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/11/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			2TB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
159	2001000003	Nguyễn Thị Huệ Anh	2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
160	2001000004	Nguyễn Thị Mai Anh	2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
161	2001000054	Trần Minh Thu	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
162	2101000031	Nguyễn Hồng Minh	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN bậc 6 dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
163	2101000045	Phạm Phương Thảo	2TT-21	Chứng chỉ NLNN bậc 6 dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN bậc 6 dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN bậc 6 dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN bậc 6 dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
164	2101000055	Nguyễn Bảo Vy	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	18/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

2/2/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
165	2101000056	Trần Ngọc An Vy	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	28/03/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
166	2007050002	Bùi Đình Thị Ngọc Anh	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
167	2007050027	Nguyễn Thị Huyền Dịu	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
168	2007050064	Nguyễn Thị Huyền	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
169	2107050037	Nguyễn Thị Hậu	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

2/11

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
170	2107050058	Nguyễn Thị Kiều Linh	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/04/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
171	2107050130	Tô Thùy Trang	3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
172	2007070079	Phạm Vũ Hồng Nhung	3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
173	2007070120	Lê Thị Lan Trinh	3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
174	2107090052	Kim Minh Minh	3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/12/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
175	2107090085	Phạm Thúy Vân	3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
176	2107020098	Lê Thu Nga	3N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2029	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
177	2007060077	Đỗ Thị Lan Hương	3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
178	2007060122	Nguyễn Thị Ngát	3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
179	2107030045	Nguyễn Khánh Huyền	3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4		27/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

24/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
180	2107030081	Nguyễn Thị Quỳnh	3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
181	2107030085	Nguyễn Trần Thúy Thanh	3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
182	2007040255	Khúc Thị Phương Trang	3T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			3T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			3T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
183	2007050006	Lê Quỳnh Anh	4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
184	2107050043	Triệu Thị Hòa	4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

20/01/2025

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
185	2107050103	Đỗ Minh Tâm	4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/12/2024	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
186	2107050128	Nguyễn Thị Trang	4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4Đ-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
187	2107170074	Nguyễn Hoàng Mai Oanh	4H-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2024	62ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4H-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			62ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B1	3	MT	
			4H-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			62ENG3FL5	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B2	4	MT	
			4H-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			62ENG3FL6	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B2	4	MT	
188	2107020086	Nguyễn Thị Cẩm Ly	4N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	18/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
189	2007060025	Trần Thị Bảo Châu	4NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

20/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
190	2007030002	Bùi Bảo Anh	4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
191	2007030061	Chu Minh Ngọc	4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	10/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4P-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
192	2007040229	Nguyễn Phương Thảo	4T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
193	2107040082	Phạm Thị Thanh Huyền	4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/12/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
194	2107040136	Trần Thị Hồng Nhung	4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
195	2107020118	Đặng Thị Thu Phương	5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
196	2107020123	Trần Lương Minh Quang	5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
197	2007060014	Nguyễn Thị Phương Anh	5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
198	2007060033	Phạm Đoàn Ngọc Diệp	5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/02/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
199	2107060129	Nguyễn Thị Minh Ngọc	5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

2/1/25

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
200	2207060173	Nguyễn Ngọc Tường Uyên	5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
201	2007040107	Nguyễn Thị Phương Lan	5T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
202	2007060103	Vũ Thị Thùy Linh	6NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			6NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			6NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			6NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
203	2007040287	Đào Thị Quỳnh Vân	6T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/12/2023	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			6T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			6T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			6T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
204	2107040090	Đặng Diệp Linh	6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/01/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	

2024

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
205	2107040201	Nguyễn Phương Trinh	6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	02/11/2024	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
206	2101000054	Nguyễn Công Vinh	1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/08/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
207	2004010084	Nguyễn Hà Phương	1H-21	HANU Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/10/2023	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1H-21	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1H-21	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1H-21	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
208	1907060001	Dương Thị Minh An	5NB-20	HANU Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	02/05/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			5NB-20	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			5NB-20	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			5NB-20	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
209	2007010045	Lê Quang Chung	1NB-21	HANU Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/10/2023	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1NB-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1NB-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1NB-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
210	2007010127	Nguyễn Thị Huyền	1T-21	HANU Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	02/05/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			1T-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			1T-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			1T-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
211	2107020011	Nguyễn Văn Anh	4N-21	HANU Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/10/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			4N-21	HANU Test tiếng Anh		B2		13/10/2024	61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			4N-21	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			4N-21	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
212	2107030063	Hoàng Trà My	2P-21	HANU Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/10/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2P-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2P-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2P-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

th

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
213	2101000015	Đặng Thủy Dương	2TT-21	HANU Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/10/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
			2TT-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
			2TT-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
			2TT-21	HANU Test tiếng Anh		C1			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
214	2207040037	Bùi Thị Phương Dung	1T-22	HANU Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/10/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			1T-22	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
215	2201000012	Nguyễn Bình Chi	2TT-22	HANU Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/12/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
			2TT-22	HANU Test tiếng Anh		B2			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
216	2067010402	Phạm Thị Thu Trang	1TXA22.3.HN	Kĩ năng Nói 1 (A2- B1)	2	8.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/01/2021	65ENG1A2	Thực hành tiếng A2	8	7.4	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Đọc 1 (A2-B1)	2	6.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Nghe 1 (A2- B1)	2	6.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Viết 1 (A2-B1)	2	7.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Đọc 2 (B1)	2	5.7	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/03/2021	65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	7.6	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Nói 2 (B1)	2	8.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Viết 2 (B1)	2	6.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Nghe 2 (B1)	2	9.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học	2	8.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/02/2021	65ENG1STS	Phương pháp học tập tiếng Anh	2	8.4	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng viết 3 (B2)	3	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/10/2021	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	8.6	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng Đọc 3 (B2)	3	9.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng nghe 3 (B2)	3	8.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng nói 3 (B2)	3	8.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng nói 4 (C1)	3	8.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/01/2022	65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	8.5	
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng nghe 4 (C1)	3	9.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng đọc 4 (C1)	3	8.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Kĩ năng viết 4 (C1)	3	7.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI						
			1TXA22.3.HN	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	5.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/06/2022	65ENG3GR1	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	5.8	
			1TXA22.3.HN	Từ vựng học tiếng Anh	3	6.7	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/10/2022	65ENG3LEX	Từ vựng học tiếng Anh	3	6.7	
			1TXA22.3.HN	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	3	7.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		65ENG3PHP	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	3	7.9	
			1TXA22.3.HN	Phiên dịch 1	3	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/06/2022	65ENG3PPI	Phiên dịch cơ bản	3	7.3	
			1TXA22.3.HN	Biên dịch 1	3	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		65ENG3PPT	Biên dịch cơ bản	3	7.3	
			1TXA22.3.HN	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	7.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2022	65ENG3TII	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	7.8	
217	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc Anh	1TXA22.3.HN	Thực hành tiếng C1	12		TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/05/2024	65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	7.2	
			1TXA22.3.HN	Từ vựng học tiếng anh	3			18/09/2024	65ENG3LEX	Từ vựng học tiếng Anh	3	5.9	
			1TXA22.3.HN	Ngữ âm âm vị học tiếng anh	3			22/05/2024	65ENG3PHP	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	3	5.4	
			1TXA22.3.HN	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			08/05/2024	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.3	
			1TXA22.3.HN	Nhập môn biên - phiên dịch	3			14/08/2024	65ENG3TII	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	7.2	
218	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	1TXA24.1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	8.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	08/07/2024	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
			1TXA24.1	Giao tiếp liên văn hóa	3	6.2			65ENG4ICP	Chuyên đề Giao tiếp liên Văn hóa	2	MT	
219	2427010464	Lê Nguyễn Đức Anh	1TXA24.2	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	14/11/2023	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			1TXA24.2	Chứng chỉ IELTS		7.5			65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
220	2427010611	Lê Trung Hiếu	1TXA24.2	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	08/02/2025	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			1TXA24.2	Chứng chỉ IELTS		7.5			65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
221	2427011305	Nguyễn Thái Sơn	1TXA24.3	Chứng chỉ IELTS		5.5	IDP-Việt Nam	05/03/2024	65ENG1A2	Thực hành tiếng A2	8	MT	
			1TXA24.3	Chứng chỉ IELTS		5.5			65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
222	2427011265	Đào Tuấn Ninh	2TXA24.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.5	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	19/06/2015	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
223	2427010083	Trần Thị Dung	5TXA24.1	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học	2	9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/06/2011	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
224	2427010749	Nguyễn Thị Trà My	5TXA24.2	Phương pháp học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.9		10/06/2022	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
225	2427010644	Phạm Lê Đa Hương	6TXA24.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	A	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	25/06/2011	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
226	2107170062	Tạ Đức Mạnh	3H-21C	Hanu Test tiếng Anh		B2	Trường Đại học Hà Nội	13/05/2025	62ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2A2	3	MT	
			3H-21C	Hanu Test tiếng Anh		B2	Trường Đại học Hà Nội	13/05/2025	62ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B1	3	MT	
			3H-21C	Hanu Test tiếng Anh		B2	Trường Đại học Hà Nội	13/05/2025	62ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B1	3	MT	
			3H-21C	Hanu Test tiếng Anh		B2	Trường Đại học Hà Nội	13/05/2025	62ENG3FL5	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B2	4	MT	
			3H-21C	Hanu Test tiếng Anh		B2	Trường Đại học Hà Nội	13/05/2025	62ENG3FL6	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B2	4	MT	
227	2007010106	Tạ Thị Ánh Hồng	6A-20	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	02/09/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1	0	MT	
228	2467010201	Lê Bảo Chi	1VBA24-2	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	21/06/2024	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
229	2427010191	Lê Ngọc Lam	2TXA24.1	Thực hành khoa học	6	5/5	ĐH Hữu nghị các dân tộc Liên Bang Nga	29/06/2022	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
			2TXA24.1	Thực hành khoa học (nghiên cứu khoa học)	3	5/5							
			2TXA24.1	Thực hành khoa học, công việc nghiên cứu khoa học (NIR)	12	5/5							

Danh sách gồm 229 sinh viên 

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA TIẾNG NGA
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2107020157	Đoàn Thị Thùy Trang	1H-22	Thực hành tiếng Nga 1A1	3	9.8	Trường Đại Học Hà Nội	13/11/2021	61RUS3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (tiếng Nga)	4	9.6	
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 2A1	3	9.3		19/12/2021					
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 2A2	4	8.7		17/03/2022	61RUS3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Nga)	4	8.8	
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 1A2	4	8.8		15/01/2022					
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 2B1	4	8.6		20/05/2022	61RUS3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (tiếng Nga)	6	8.0	
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 1B1	4	8.1		12/04/2022					
			1H-22	Thực hành tiếng Nga 3B1	3	7.2		22/10/2022					
2	24LRU04153	Bui Ngok An	4N-24	Chứng chỉ tiếng Nga quốc tế trình độ B2 (TRKI-2)	0	B2/TR KI-2	Viện tiếng Nga Quốc gia mang tên A.S. Puskin	18/11/2024	61RUS1A2	Thực hành tiếng A2	9	MT	

Danh sách gồm 02 sinh viên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA TIẾNG PHÁP
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2207030112	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	4P-22	Thực hành tiếng Pháp B1	8	8.2	Trường Đại Học Hà Nội	30/11/2023	61COC2B1	Thực hành tiếng B1	8	8.2	
			4P-22	Thực hành tiếng Pháp B2	8	7.6		20/05/2024	61COC2B2	Thực hành tiếng B2	8	7.6	
2	2007030074	Nguyễn Thị Phương	1A-21	Thực hành tiếng Pháp 1A1	3	7.8	Trường Đại Học Hà Nội	10/06/2024	61FRE3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A1	3	MT	
			1A-21	Thực hành tiếng Pháp 1A2	4	7.6			61FRE3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A2	4	MT	
			1A-21	Thực hành tiếng Pháp 1B1	3	6.0			61FRE3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 1B1	3	MT	
			1A-21	Thực hành tiếng Pháp 2B1	4	8.6			61FRE3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 2B1	4	MT	
3	19CV040032	Sean Phillip Lawlor	1V04-19	Chứng chỉ DELF		B2	France Education International	07/08/2023	61FRE3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A1	3	MT	
			1V04-19	Chứng chỉ DELF		B2			61FRE3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A2	4	MT	
			1V04-19	Chứng chỉ DELF		B2			61FRE3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 1B1	3	MT	
			1V04-19	Chứng chỉ DELF		B2			61FRE3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 2B1	4	MT	
4	2107010007	Đào Ngọc Anh	2A-21	Hanu Test Tiếng Pháp		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/10/2024	61FRE3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A1	3	MT	
			2A-21	Hanu Test Tiếng Pháp		B2			61FRE3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A2	4	MT	
			2A-21	Hanu Test Tiếng Pháp		B2			61FRE3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 1B1	3	MT	
			2A-21	Hanu Test Tiếng Pháp		B2			61FRE3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 2B1	4	MT	
5	1907010007	Đỗ Thị Hoàng Anh	7A-19	Chứng chỉ DELF		B1	France Education International	04/04/2025	61FRE3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A1	3	MT	
			7A-19	Chứng chỉ DELF		B1			61FRE3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp A2	4	MT	
			7A-19	Chứng chỉ DELF		B1			61FRE3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 1B1	3	MT	
			7A-19	Chứng chỉ DELF		B1			61FRE3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Pháp 2B1	4	MT	
6	2101000021	Lê Thị Thanh Hương	1TT-21	Chứng chỉ DELF		B2	France Education International	16/03/2025	PHAP.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Pháp - Trình độ B2	0	MT	
7	2101000054	Nguyễn Công Vinh	1TT-21	Chứng chỉ DELF		B2	France Education International	25/09/2023	PHAP.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Pháp - Trình độ B2	0	MT	

Danh sách gồm 07 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chí	Kết quả	
Danh sách sinh viên xin miễn Ngoại ngữ 2 tiếng Trung Quốc													
1	1907010166	Trương Vũ Thảo Linh	4A-19	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/03/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
2	1907010250	Đỗ Minh Quang	12A-19	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
3	1907030080	Trần Thị Minh Oanh	1P-19	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	09/03/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
4	2007010137	Lê Nguyễn Trung Kiên	9A-20	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	18/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chí	Kết quả	
5	2007010249	Phạm Thảo Minh Phương	9A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
6	2007030016	Trần Quỳnh Anh	3P-20	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	19/10/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
7	2107100017	Trần Thị Hà	1B-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
8	2107010020	Phạm Minh Anh	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	14/12/2024	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
9	2107100038	Tô Thị Huệ Linh	1B-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	18/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
									61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	

20/4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
10	2107010093	Phạm Thu Hằng	10A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
11	2107010119	Trần Xuân Hưng	2A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
12	2107010122	Nguyễn Mai Hương	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
13	2107010133	Nguyễn Thị Thu Huyền	10A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
14	2107010141	Phạm Ngọc Lan	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
									61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
15	2107010150	Nguyễn Duy Linh	5A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
16	2007010169	Lã Kim Loan	13A-20	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	19/10/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
17	2107010170	Trần Khánh Ly	4A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	18/01/2025	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
18	2107010197	Nguyễn Thị Ngát	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
19	2107010208	Trần Yến Nhi	1A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	09/03/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
20	2107010209	Lê Thị Như	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
21	2107010253	Nguyễn Thị Phương Thảo	7A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
22	2107010256	Trần Thị Thảo	10A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
23	2107010257	Nguyễn Phương Thảo	4A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	19/10/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
24	2107010263	Hoàng Anh Thư	3A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
25	2107010273	Hoàng Thủy Tiên	5A-21	HSK/HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
26	2107010284	Nguyễn Minh Trang	4A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	18/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
27	2107010288	Nguyễn Thị Thu Trang	8A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
28	2107010295	Trần Huyền Trang	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	09/03/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
29	2107010302	Phạm Thị Tuyền	5A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
30	2107010304	Lê Ngọc Ánh Tuyết	6A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
									61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
31	2107010316	Hoàng Thị Hải Yến	8A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
32	2107020036	Nguyễn Thùy Dung	3N-21	HSK/HSKK	0	BẬC4	CLEC	18/01/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
33	2107020085	Nguyễn Thị Lương	4N-21	HSK/HSKK	0	BẬC4	CLEC	23/02/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
34	2107060071	Nguyễn Thị Huyền	6NB-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
35	2107070056	Hồ Vũ Cẩm Nhung	2H-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
36	2107070074	Đỗ Kim Tuyết	2H-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
37	2207010062	Vũ Thị Thùy Dương	4A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	14/12/2024	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
38	2207010115	Ngô Thị Hương	9A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	08/12/2024	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
39	2207010127	Nguyễn Thị Lan	1A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
40	2207010144	Nguyễn Thị Linh	6A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	19/10/2024	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
41	2207010173	Chu Đình Nam	4A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	23/02/2025	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
42	2207010233	Ta Phương Quý	8A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	12/01/2025	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
									61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
43	2207010234	Bùi Lệ Quyên	9A-22	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	08/12/2024	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
44	2207010235	Lê Thị Đào Quyên	4A-21	HSK, HSKK	0	BẬC3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
45	2207030017	Trần Lâm Anh	3P-22	HSK, HSKK	0	BẬC4	CLEC	18/01/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
46	2207060027	Nguyễn Thanh Bình	2NB-22	HSK3, HSKK	0	BẬC3	CLEC	18/01/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
47	2207090049	Đàm Hà Ngọc Minh	2I-22	HSKK, HSK	0	BẬC4	CLEC	14/12/2024	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
48	2007040102	Khổng Thị Thanh Huyền	1H-22	Thực hành tiếng Trung Quốc 2A1	4	8.5	Trường Đại Học Hà Nội	30/06/2024	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	Lấy điểm CN2 miễn NN2 cho CN1
			1H-22	Thực hành tiếng Trung Quốc 2A2	4	8.5			61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
			1H-22	Thực hành tiếng Trung Quốc 1B2	0	9.1			61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
49	2107020059	Phạm Thị Hồng Hoa	2N-21	Thực hành tiếng Trung Quốc A1	8	9.0	Trường Đại Học Hà Nội	15/04/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	9.0	
				Thực hành tiếng Trung Quốc A2	8	7.4			61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	7.4	
				Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	6.6			61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	6.6	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
				Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	6.6			61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	6.6	
Danh sách sinh viên xin miễn Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc													
50	2237040050	Nguyễn Thu Hương	4TCT-21-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
51	2237040252	Phùng Thị Thu Thanh	2TCT-21-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	20/01/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
52	2167040021	Nguyễn Anh Đức	1VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
53	2167040036	Vũ Thị Thu Hà	1VBT21-1	HSK/HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
54	2167040060	Dương Thị Lan	1VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
55	2167040073	Nguyễn Minh Ngọc	1VBT21-1	HSK/HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
56	2167040110	Trần Ánh Vân	1VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
57	2167040004	Nguyễn Phương Anh	2VBT21-1	HSK/HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
58	2167040076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/03/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
59	2267040047	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2VBT21-1	HSK/HSKK	0	BẬC5	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
60	2267040057	Nguy Mỹ Linh	2VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
61	2167040012	Nguyễn Quỳnh Anh	3VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
62	2167040059	Lê Phương Lan	3VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
63	2167040085	Nguyễn Thị Sinh	3VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
64	2167040095	Nguyễn Thuỳ Anh Thơ	3VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	10/12/2023	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
65	2267040076	Phạm Thị Nụ	3VBT21-1	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
66	1807040050	Nguyễn Phương Dung	5T-18	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
67	1907040093	Vy Thị Hoạt	4T-19	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
68	1907040106	Hà Thu Hương	9T-19	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
69	2007010127	Nguyễn Thị Huyền	6A-20	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
70	2007030084	Nguyễn Thị Thu Thảo	1P-20	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
71	2007040019	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
72	2007040101	Đỗ Thị Huyền	8T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
73	2007040113	Dương Thị Thùy Linh	2T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
74	2007040120	Lương Thị Thùy Linh	9T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	21/09/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
75	2007040168	Triệu Bích Ngọc	1T-20	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/03/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
76	2007040169	Trịnh Hồng Ngọc	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
77	2007040253	Phạm Ngọc Trâm	1T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/3/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
78	2007040255	Khúc Thị Phương Trang	3T-20	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
79	2007040275	Trần Thị Trang	4T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/03/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
80	2007040287	Đào Thị Quỳnh Vân	6T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/03/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
81	2007040292	Trần Thị Kim Yến	9T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
82	2107040004	Nguyễn Khánh Ly	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
83	2107040006	Đinh Mai Anh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
84	2107040007	Kiều Vân Anh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/05/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
85	2107040009	Lê Ngọc Anh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
86	2107040010	Nguyễn Minh Anh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
87	2107040011	Nguyễn Thị Lan Anh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
88	2107040013	Phạm Hồng Anh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
89	2107040014	Phạm Vân Thảo Anh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
90	2107040015	Trần Thị Vân Anh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
91	2107040016	Trịnh Lan Anh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
92	2107040017	Vi Thị Mai Anh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
93	2107040019	Hoàng Phương Anh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
94	2107040021	Nguyễn Quỳnh Anh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
95	2107040022	Dương Thị Hồng Ánh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
96	2107040023	Nguyễn Thị Minh Ánh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
97	2107040024	Trần Thị Ngọc Ánh	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
98	2107040025	Nguyễn Ngọc Châm	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
99	2107040026	Phạm Thị Minh Châu	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
100	2107040027	Hoàng Thị Kim Chi	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
101	2107040028	Nguyễn Hà Chi	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
102	2107040029	Nguyễn Trọng Đạt	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
103	2107040031	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/09/2023	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
104	2107040033	Mã Ngọc Diệp	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
105	2107040035	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
106	2107040038	Phùng Thị Hoài Giang	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
107	2107040039	Hoàng Châu Giang	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
108	2107040040	Lý Thị Thu Hà	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
109	2107040041	Nguyễn Thị Thu Hà	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
110	2107040043	Trịnh Thu Hà	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chí	Kết quả	
111	2107040045	Lý Thị Hải	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
112	2107040049	Lê Thu Hằng	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
113	2107040050	Phạm Thủy Hằng	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
114	2107040051	Lăng Thị Hạnh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
115	2107040052	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
116	2107040053	Phạm Thị Hạnh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
117	2107040057	Đỗ Thị Hòa	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
118	2107040058	Nguyễn Thị Khánh Hòa	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
119	2107040060	Lê Thị Thu Hoàn	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
120	2107040061	Nguyễn Minh Hoàn	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
121	2107040064	Trần Thị Hồng	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
122	2107040066	Đỗ Thị Huệ	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
123	2107040067	Hoàng Thị Thu Hương	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
124	2107040068	Nguyễn Mai Hương	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
125	2107040069	Nguyễn Thị Mai Hương	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
126	2107040070	Phạm Quỳnh Hương	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
127	2107040071	Vũ Mai Hương	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
128	2107040074	Bùi Mai Huyền	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
129	2107040075	Đỗ Thị Thu Huyền	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
130	2107040076	Lê Thu Huyền	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
131	2107040077	Nông Thúy Huyền	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chí	Kết quả	
132	2107040078	Nguyễn Thanh Huyền	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
133	2107040080	Trần Khánh Huyền	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
134	2107040081	Nguyễn Khánh Huyền	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
135	2107040082	Phạm Thị Thanh Huyền	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
136	2107040084	Nguyễn Thị Lan	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
137	2107040085	Nông Nhật Lệ	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
138	2107040086	Vũ Thị Lệ	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
139	2107040087	Trần Thị Hồng Liên	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
140	2107040088	Dương Thị Liên	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
141	2107040089	Âu Lương Mai Linh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
142	2107040090	Đặng Diệp Linh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
143	2107040091	Đinh Thị Khánh Linh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
144	2107040092	Hoàng Thị Linh	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
145	2107040093	Lục Thị Hoài Linh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
146	2107040094	Lương Ngọc Linh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
147	2107040097	Nguyễn Thị Diệu Linh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
148	2107040100	Nguyễn Vũ Hải Linh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/03/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
149	2107040101	Trần Diệu Việt Linh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
150	2107040103	Vũ Thị Khánh Linh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
151	2107040104	Vũ Thành Long	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
152	2107040106	Lê Thị Mai	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
153	2107040108	Nguyễn Thị Mai	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
154	2107040109	Nguyễn Thị Sao Mai	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
155	2107040110	Vương Ngọc Mai	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
156	2107040111	Hoàng Thị Nguyệt Minh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
157	2107040113	Bùi Thảo My	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
158	2107040114	Đông Huyền My	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
159	2107040115	Đào Thị Nga	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
160	2107040117	Nguyễn Thị Nga	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
161	2107040118	Phạm Huỳnh Nga	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
162	2107040120	Nguyễn Thủy Ngân	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
163	2107040121	Phan Thị Thu Ngân	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
164	2107040122	Trần Thị Ngân	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
165	2107040123	Vi Thị Ngân	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
166	2107040124	Nguyễn Thùy Ngân	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
167	2107040125	Phan Thị Hồng Ngát	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
168	2107040126	Trịnh Thị Như Ngọc	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
169	2107040127	Phạm Hạnh Nguyên	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
170	2107040128	Vương Văn Nguyên	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
171	2107040130	Đoàn Đức Doanh Nhi	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
172	2107040132	Đoàn Nguyễn Trang Nhung	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
173	2107040134	Nguyễn Thị Nhung	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chí	Kết quả	
174	2107040135	Phan Thị Nhung	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/05/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
175	2107040136	Trần Thị Hồng Nhung	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
176	2107040137	Đặng Thị Ninh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
177	2107040138	Nguyễn Thị Lâm Oanh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
178	2107040139	Nông Thị Phước	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	21/04/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
179	2107040140	Diễm Thị Phương	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
180	2107040141	Đoàn Thị Hồng Phương	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
181	2107040142	Đỗ Thị Thu Phương	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
182	2107040143	Nguyễn Thị Diệu Phương	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
183	2107040144	Tăng Thị Phương	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
184	2107040146	Trần Thị Phương	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
185	2107040147	Vũ Thị Thu Phương	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
186	2107040148	Nguyễn Thu Phương	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/05/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
187	2107040149	Tô Thanh Phương	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
188	2107040150	Lê Tú Quyên	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
189	2107040152	Hoàng Thị Quỳnh	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
190	2107040153	Nguyễn Diễm Quỳnh	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
191	2107040154	Nguyễn Thị Quỳnh	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
192	2107040155	Trần Thị Như Quỳnh	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
193	2107040156	Trần Thị Như Quỳnh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
194	2107040157	Nguyễn Như Quỳnh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
195	2007040158	Trần Linh Nga	1T-20	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
196	2107040159	Bùi Thị Thanh Tâm	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
197	2107040160	Trần Ngọc Minh Tâm	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
198	2107040161	Lăng Thị Tầm	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
199	2107040164	Nguyễn Thị Phương Thanh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
200	2107040165	Tạ Phương Thanh	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
201	2107040166	Bùi Thị Phương Thảo	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
202	2107040167	Bùi Thị Thanh Thảo	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
203	2107040168	Đinh Thị Phương Thảo	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
204	2107040169	Giang Thanh Thảo	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
205	2107040170	Hà Phương Thảo	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
206	2107040171	Khuất Phương Thảo	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
207	2107040172	Nguyễn Hương Thảo	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
208	2107040174	Nguyễn Thị Thảo	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
209	2107040175	Trần Thị Thảo	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
210	2107040176	Trịnh Thị Thu Thảo	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
211	2107040180	Vũ Anh Thơ	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
212	2107040182	Hoàng Thị Thu	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
213	2107040184	Bùi Thu Thuận	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
214	2107040185	Phạm Thu Thủy	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
215	2107040186	Hoàng Thị Thủy Tiên	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
216	2107040188	Nguyễn Thu Trà	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
217	2107040190	Đỗ Thu Trang	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
218	2107040191	Lê Huyền Trang	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
219	2107040192	Ngô Thị Thùy Trang	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
220	2107040193	Nguyễn Linh Trang	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
221	2107040194	Nguyễn Thị Thùy Trang	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
222	2107040195	Nguyễn Thùy Trang	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
223	2107040197	Phùng Thị Trang	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
224	2107040198	Trần Thùy Trang	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
225	2107040200	Nguyễn Thị Trang	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
226	2107040201	Nguyễn Phương Trinh	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
227	2107040202	Nguyễn Thị Thanh Trúc	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
228	2107040203	Nguyễn Ngọc Tú	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
229	2107040204	Bùi Thị Ánh Tuyết	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
230	2107040205	Phan Thị Diệu Tuyết	4T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	01/07/2023	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
231	2107040206	Nguyễn Tú Uyên	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
232	2107040207	Đặng Thị Thảo Vân	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
233	2107040208	Đồng Thảo Vân	1T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	01/07/2023	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
234	2107040209	Nguyễn Thị Vân	2T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
235	2107040210	Vũ Thị Khánh Vân	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
236	2107040212	Hoàng Thị Xuyến	5T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
237	2107040213	Đỗ Hải Yến	6T-21	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
238	2107040215	Nguyễn Thị Hải Yến	3T-21	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1	0	MT	
239	2007140003	Nguyễn Kim Anh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
240	2007140070	Vũ Thị Thanh Tâm	1T-20C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
241	2107140002	Đinh Bùi Hải Anh	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
242	2107140003	Lê Thị Quỳnh Anh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
243	2107140004	Nguyễn Diệu Anh	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
244	2107140005	Nguyễn Lan Anh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
245	2107140007	Phan Trần Hồng Anh	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
246	2107140008	Trần Phương Anh	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
247	2107140010	Trịnh Thị Mai Anh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
248	2107140013	Hoàng Trịnh Kim Anh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
249	2107140014	Võ Ngọc Bích	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
250	2107140017	Lê Thị Cúc	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
251	2107140018	Đỗ Vĩ Đại	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
252	2107140019	Vũ Thùy Dương	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
253	2107140020	Hoàng Thùy Dương	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
254	2107140022	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
255	2107140023	Nguyễn Hương Giang	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
256	2107140025	Bùi Thu Hà	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
257	2107140027	Nguyễn Minh Hà	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chí/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
258	2107140029	Võ Thu Hà	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
259	2107140030	Trần Lê Bảo Hân	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
260	2107140033	Phạm Thị Hạnh	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
261	2107140035	Nguyễn Thị Hậu	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
262	2107140037	Lê Thanh Hiếu	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
263	2107140039	Nguyễn Thị Hoài	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
264	2107140040	Đỗ Thị Hương	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
265	2107140042	Lê Thị Minh Huyền	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
266	2107140043	Đồng Thị Khánh Huyền	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
267	2107140045	Hồ Thị Minh Huyền	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
268	2107140047	Nguyễn Thu Huyền	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
269	2107140048	Trần Thị Khánh Huyền	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
270	2107140050	Đào Đức Khôi	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
271	2107140051	Nguyễn Thị Thu Kiều	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
272	2107140052	Tăng Thị Ngọc Lan	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
273	2107140053	Bùi Thị Diệu Linh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
274	2107140055	Lý Mai Linh	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
275	2107140057	Đinh Thùy Linh	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
276	2107140056	Vũ Khánh Linh	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
277	2107140058	Bùi Ngọc Linh	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
278	2107140060	Vũ Thị Ly	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
279	2107140062	Phạm Khắc Minh	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
280	2107140064	Hoàng Thị Quỳnh Nga	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
281	2107140067	Trần Thị Thu Ngân	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
282	2107140068	Lưu Bích Ngọc	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
283	2107140069	Nguyễn Minh Ngọc	2T-21C	HSK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
284	2107140070	Nguyễn Thị Ngọc	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
285	2107140075	Bùi Thị Lâm Oanh	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
286	2107140076	Hoàng Linh Phương	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
287	2107140077	Lê Thảo Phương	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
288	2107140078	Nguyễn Hà Phương	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
289	2107140079	Nguyễn Thị Phương	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
290	2107140081	Bùi Bích Phương	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
291	2107140084	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
292	2107140085	Đặng Diễm Quỳnh	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
293	2007140088	Nguyễn Thị Thanh Tú	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	22/06/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
294	2107140089	Nguyễn Thị Minh Thao	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
295	2107140090	Bế Đàm Phương Thảo	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
296	2107140091	Lưu Thị Phương Thảo	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
297	2107140092	Nguyễn Thị Phương Thảo	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
298	2107140093	Nhữ Phương Thảo	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
299	2107140095	Nguyễn Minh Thuận	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	16/11/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
300	2107140096	Đặng Bích Thục	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
301	2107140097	Nguyễn Thị Kim Thủy	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
302	2107140099	Ngô Thị Thủy	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
303	2107140100	Nguyễn Thu Thủy	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
304	2107140101	Phùng Thị Thu Thủy	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
305	2107140102	Trịnh Thị Diệu Thủy	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
306	2107140103	Vũ Thị Trà	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
307	2107140105	Đỗ Thị Trang	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
308	2107140106	Nguyễn Đặng Huyền Trang	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
309	2107140107	Nguyễn Thị Huyền Trang	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
310	2107140108	Nguyễn Thị Thu Trang	2T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	18/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
311	2107140109	Trịnh Thị Huyền Trang	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
312	2107140110	Đinh Văn Trang	3T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
313	2107140111	Vũ Kiều Trinh	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
314	2107140113	Đinh Thị Tuyết	4T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
315	2107140114	Đỗ Hải Yến	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
316	2107140115	Nguyễn Thị Yến	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	08/12/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
317	2107140116	Trần Minh Yến	1T-21C	HSK, HSKK	0	BẬC6	CLEC	19/10/2024	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2	0	MT	
Danh sách sinh viên xin miễn học phần													
318	2007010127	Nguyễn Thị Huyền	1T-21	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	8.1	Trường Đại Học Hà Nội	18/08/2023	61CHI1SRS	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	MT	
319	2007030015	Phùng Ngọc Anh	1T-21	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.0	Trường Đại Học Hà Nội	10/06/2024	61CHI1SRS	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
320	2007030084	Nguyễn Thị Thu Thảo	1T-21	Phương pháp học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.5	Trường Đại Học Hà Nội	10/06/2024	61CHI1SRS	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	MT	
321	2467040173	Nguyễn Thanh Huyền	1VBT24-2	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học	5	8.0	Trường Đại Học Hà Nội	20/07/2020	63CHI2RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
322	2267040149	Lê Thị Hiền	1VBT22-2	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu/ Quá trình viết luận văn	2	8.3	Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn - Đại Học Quốc Gia Hà Nội	16/12/2024	63CHI2RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
323	2367040126	Phạm Thị Lan Anh	2VBT23-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	63CHI1B1	Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	MT	
			2VBT23-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	63CHI2B2	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	
324	2467040036	Trần Thị Giang	2VBT24-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	63CHI1B1	Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	MT	
			2VBT24-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	63CHI2B2	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	
325	2467040047	Nguyễn Thị Hào	2VBT24-1	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	12/01/2025	63CHI2B2	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	
326	2467040135	Nguyễn Thị Yến	2VBT24-1	HSK/HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	63CHI2B2	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	
327	2437042108	Trần Thị Ngọc Thảo	1TCT-24-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC	23/02/2025	64CHI2B1	Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	MT	
			1TCT-24-2	HSK, HSKK	0	BẬC5	CLEC		64CHI2B2	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	

Danh sách gồm 327 sinh viên 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA TIẾNG ĐỨC
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2207050142	Nguyễn Ngọc Thùy	1A-21	Thực hành tiếng 1A1	4	8.2	Trường Đại Học Hà Nội	16/04/2025	61GER3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức A1	3	8.5	
			1A-21	Thực hành tiếng 2A1	4	8.8							
			1A-21	Thực hành tiếng 1A2	4	6.8			61GER3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức A2	4	7.4	
			1A-21	Thực hành tiếng 2A2	3	8.2			61GER3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức 1B1	3	8.2	
			1A-21	Thực hành tiếng 1B1	3	8.2			61GER3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức 2B1	4	7.4	
			1A-21	Thực hành tiếng 2B1	3	7.4							
2	2207050082	Vũ Thị Kim Ngân	4Đ-22	Grundwissen Deutsch als Fremdsprache "Kiến thức cơ bản về Giảng dạy tiếng Đức như một ngoại ngữ"	5	10.5/15	Justus-Liebig-Universität Gießen	09/01/2025	61GER3ITM	Nhập môn Giảng dạy tiếng Đức	2	7.0	

Danh sách gồm 02 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG BỒ ĐÀO NHA, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2207100059	Nguyễn Đình Việt	1B-22	Lịch sử Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	6	16	Đại học Porto	20/02/2025	61POR3PHC	Lịch sử và Văn hóa Bồ Đào Nha	3	8.0	
			1B-22	Âm vị và Hình vị học	6	17			61POR3PHP	Ngữ âm và Âm vị học	3	8.5	
			1B-22	Cú pháp học	6	18			61POR4MOS	Từ pháp và Cú pháp học	3	9.0	

Danh sách gồm 01 sinh viên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA NLNN - KHOA TIẾNG TÂY BAN NHA
(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phầnChứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2007080043	Trần Hạnh Minh	1TB-20	Servicio Internacional de Evaluación de la Lengua Española (SIELE)	Bậc 3	Viện Cervantes	17/03/2025	61SPA12B1	Thực hành tiếng 2B1	4	MT	
								61SPA23B1	Thực hành tiếng 3B1	4	MT	
2	2007080079	Nguyễn Quỳnh Trang	1TB-20	Servicio Internacional de Evaluación de la Lengua Española (SIELE)	Bậc 3	Viện Cervantes	18/03/2025	61SPA12B1	Thực hành tiếng 2B1	4	MT	
3	2107080007	Nguyễn Lan Anh	1TB-21	DELE B1	Bậc 3	Viện Cervantes	03/02/2025	61SPA23B1	Thực hành tiếng 3B1	4	MT	
4	2107080017	Vũ Ngọc Anh	1TB-21	DELE C1	Bậc 5	Viện Cervantes	04/02/2025	TBN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Tây Ban Nha- Trình độ C1		MT	
5	2107080088	Tổng Sỹ Tuấn Thành	1TB-21	DELE C1	Bậc 5	Viện Cervantes	03/02/2025	TBN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Tây Ban Nha- Trình độ C1		MT	

Danh sách gồm 05 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP,
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025 - KHOA TIẾNG NHẬT

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN			Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	
1	2107060020	Nguyễn Vũ Hà Anh	1A-22	Thực hành tiếng Nhật 3A1	4	8.6	Trường Đại học Hà Nội	03/10/2023	61JAP3FA1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A1	4	
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 1A1	4	9.5						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 2A1	4	9.3						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 1A2	4	8.4						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 2A2	4	8.5						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 3B1	3	8.1						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 2B1	3	8.7						
			1A-22	Thực hành tiếng Nhật 1B1	3	7.4						
2	2107020047	Nguyễn Thị Lệ Giang	5N-21	Thực hành tiếng Nhật A1	11	8.1	Trường Đại học Hà Nội	01/04/2023	61JAP3FL1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A1	3	
			5N-21	Thực hành tiếng Nhật A2	9	6.9		05/04/2024	61JAP3FL2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A2	4	
			5N-21	Thực hành tiếng Nhật B1	9	6.4		30/06/2024	61JAP3FL3	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật 1B1	3	
			5N-21	Thực hành tiếng Nhật B1	9	6.4			61JAP3FL4	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật 2B1	4	
3	2207040113	Lê Ngọc Mai	4T-22	Chứng chỉ JLPT		N4	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	13/08/2024	61JAP3FA1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A1	4	
			4T-22	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FA2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A2	4	
			4T-22	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FB1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật B1	6	
4	2207010223	Nguyễn Thị Hồng Phương	9A-22	Chứng chỉ JLPT		N4		10/01/2025	61JAP3FA1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A1	4	
			9A-22	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FA2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A2	4	
			9A-22	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FB1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật B1	6	



2/1/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN			Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	
5	2107090003	Hà Phương Anh	1I-21	Chứng chỉ JLPT		N4	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	10/01/2025	61JAP3FL1	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A1	3	
			1I-21	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FL2	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật A2	4	
			1I-21	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FL3	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật 1B1	3	
			1I-21	Chứng chỉ JLPT		N4			61JAP3FL4	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Nhật 2B1	4	
6	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	1TCNB-24-1	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	8.1	Trường Đại học Hà Nội	31/12/2024	64JAP1RES	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	
7	1907060001	Dương Thị Minh An	5NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
8	1907060201	Nguyễn Dương Văn Anh	2NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
9	2007060018	Trần Mai Anh	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
10	2007060020	Trần Văn Anh	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
11	2007060021	Trịnh Thị Ngọc Anh	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
12	2007060024	Võ Thị Ngọc Ánh	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
13	2007060025	Trần Thị Bảo Châu	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		09/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
14	2007060030	Bùi Doãn Đạt	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
15	2007060033	Phạm Đoàn Ngọc Diệp	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
16	2007060034	Phan Thị Diệp	6NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
17	2007060048	Nguyễn Phương Hà	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
18	2007060050	Phạm Lưu Hồng Hà	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		18/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
19	2007060054	Phan Thị Ngọc Hân	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
20	2007060056	Hà Thanh Hằng	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN			Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	
21	2007060059	Lê Thị Hạnh	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
22	2007060063	Đoàn Thu Hiền	3NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2		18/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
23	2007060066	Nguyễn Thị Hiền	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		18/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
24	2007060079	Đỗ Thị Hương	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
25	2007060086	Nguyễn Thị Huyền	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
26	2007060103	Vũ Thị Thùy Linh	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
27	2007060108	Nguyễn Khánh Ly	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
28	2007060116	Nguyễn Hà My	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		18/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
29	2007060122	Nguyễn Thị Ngát	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
30	2007060123	Tạ Thủy Ngát	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		17/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
31	2007060140	Bùi Hồng Nhung	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
32	2007060142	Nguyễn Quang Ninh	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		11/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
33	2007060143	Phùng Thị Kim Oanh	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		21/02/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
34	2007060145	Lê Mai Thu Phương	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
35	2007060157	Nguyễn Tú Quỳnh	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
36	2007060167	Phan Thị Thảo	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
37	2007060176	Phan Thị Thuận	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
38	2007060179	Nguyễn Thị Thủy Tiên	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
39	2007060188	Phạm Mai Trang	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/03/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
40	2007060189	Phạm Thùy Trang	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	

V
NG
HOC
NỘI

2025

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN			Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	
41	2007060197	Lưu Quý Tùng	3NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
42	2007060202	Dương Thảo Vân	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
43	2107060002	Hoàng Khánh Vy	2NB-20	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
44	2107060009	Ngô Thị Hoài Anh	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
45	2107060026	Phạm Thị Minh Châu	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
46	2107060035	Nguyễn Thùy Dương	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
47	2107060042	Nguyễn Trà Giang	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
48	2107060043	Nguyễn Hương Giang	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
49	2107060063	Nguyễn Thị Thu Hồng	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
50	2107060067	Trần Thị Quỳnh Hương	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
51	2107060071	Nguyễn Thị Huyền	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
52	2107060084	Đỗ Phương Linh	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
53	2107060087	Nguyễn Diệu Linh	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
54	2107060089	Nguyễn Khánh Linh	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
55	2107060090	Nguyễn Ngọc Linh	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
56	2107060096	Nguyễn Diệu Linh	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
57	2107060101	Lã Thị Khánh Ly	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N1		11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
58	2107060103	Đặng Thị Mai	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
59	2107060104	Nguyễn Phương Mai	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
60	2107060106	Trần Tuyết Mai	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN			Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	
61	2107060114	Đinh Thị Ngân	1NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2	Quý giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
62	2107060124	Cao Minh Ngọc	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		11/01/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
63	2107060129	Nguyễn Thị Minh Ngọc	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
64	2107060140	Kiều Thị Thu Phương	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
65	2107060146	Đỗ Thanh Tâm	4NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
66	2107060147	Nguyễn Thanh Tâm	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
67	2107060156	Đinh Thị Thanh Thu	6NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
68	2107060161	Trần Thị Thủy	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
69	2107060163	Đào Thị Thùy	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
70	2107060171	Lê Thị Thùy Trang	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
71	2107060172	Lê Thu Trang	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
72	2107060174	Nguyễn Linh Trang	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
73	2107060177	Nguyễn Thị Thùy Trang	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
74	2107060179	Phạm Thị Thủy Trang	3NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
75	2107060186	Nguyễn Phương Vy	2NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
76	2107060188	Phạm Hải Yến	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
77	2207060173	Nguyễn Ngọc Tường Uyên	5NB-21	Chứng chỉ JLPT		N2		07/08/2023	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	
78	2637060014	Nguyễn Viết Đạt	1TCNB-26	Chứng chỉ JLPT		N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1	0	

Danh sách gồm 78 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ MIỄN HỌC VÀ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG HÀN QUỐC, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB/CC	Ngày cấp/ Ngày thi	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
Chuyên ngành 2													
1	2107010186	Nguyễn Thạc Trà My	10A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
2	2107010319	Trần Thị Yến	10A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			10A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	18/12/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
3	2207010106	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10A-22	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	14/04/2024	61KOR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			10A-22	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	14/04/2024	61KOR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			10A-22	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)	14/04/2024	61KOR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Hàn Quốc)	6	MT	
4	2107020157	Đoàn Thị Thùy Trang	4N-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc A1	8	7.9	Trường Đại Học Hà Nội	10/11/2022	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	7.9	
			4N-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc A2	8	8.1	Trường Đại Học Hà Nội	30/12/2022	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	8.1	
			4N-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc B1	12	7.9	Trường Đại Học Hà Nội	10/06/2023	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	7.9	
			4N-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc B1	12	7.9	Trường Đại Học Hà Nội	10/06/2023	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	7.9	
			1H-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	9.1	Trường Đại Học Hà Nội	30/12/2021	61KOR1RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	9.1	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB/CC	Ngày cấp/ Ngày thi	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
5	2107010016	Phạm Hồng Ngọc Anh	5A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
6	2107010180	Bạch Thị Ngọc Mai	5A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
7	2107010191	Phạm Phương Nga	5A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
8	2107010191	Phạm Phương Nga	5A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			5A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
9	2107010099	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	6A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/12/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			6A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/12/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			6A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/12/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			6A-21	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/12/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	
10	2107010272	Phạm Thị Lệ Thủy	9A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	MT	
			9A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	MT	
			9A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	MT	
			9A-21	TOPIK		Bậc 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB/CC	Ngày cấp/ Ngày thi	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
11	2207010081	Ngô Thị Hiền	9A-22	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			9A-22	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			9A-22	TOPIK		Bậc 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	61KOR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Hàn Quốc)	6	MT	
Chính quy													
12	1907070004	Nguyễn Lê Minh Anh	1H-20	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/07/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
13	1907170051	Nguyễn Thị Minh Thư	1H-19C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
14	2004010084	Nguyễn Hà Phương	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
15	2007070007	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/07/2022	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
16	2007070016	Vũ Thị Hoài Chi	2H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
17	2007070030	Đào Thu Hiền	1H-20	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
18	2007070036	Nguyễn Thị Huê	3H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
19	2007070043	Nguyễn Diệu Huyền	1H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
20	2007070067	Đinh Huyền My	1H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
21	2007070104	Trần Phương Thảo	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
22	2007070106	Nguyễn Minh Thu	1H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/07/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
23	2007070113	Ngô Thị Kiều Trang	2H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
24	2007070129	Vũ Thị Mai Vy	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	15/10/2023	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
25	2007170014	Triệu Hải Bình	3H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
26	2007170018	Dương Thị Bích Diệp	3H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
27	2007170066	Đỗ Minh Thảo	3H-20C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
28	2107070002	Nguyễn Đỗ Lan Anh	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	



28/11

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB/CC	Ngày cấp/ Ngày thi	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
29	2107070040	Hoàng Thị Khánh Linh	3H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
30	2107070047	Đỗ Thị Hồng Minh	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
31	2107070051	Lê Thanh Nga	1H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
32	2107070053	Đoàn Văn Nguyên	1H-21	TOPIK		Bậc 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
33	2107070057	Vũ Thị Thu Phương	3H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
34	2107070076	Nguyễn Thị Uyên	3H-21	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
35	2107170008	Nguyễn Thị Mai Anh	4H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
36	2107170010	Nguyễn Trung Thị Hoài Anh	1H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
37	2107170011	Phạm Kiều Anh	2H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
38	2107170029	Vũ Thị Thuý Dung	4H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
39	2107170043	Phùng Thị Huyền	3H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	12/11/2023	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
40	2107170059	Trần Thị Hà Ly	1H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
41	2107170066	Bùi Thị Ánh My	4H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
42	2107170082	Trần Thu Tâm	3H-21C	TOPIK		Bậc 6	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	15/10/2023	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
43	2107170085	Chu Thị Thánh	1H-21C	TOPIK		Bậc 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
Trao đổi													
44	2107070007	Trương Thị Ngọc Anh	1H-22	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	10.0	
				Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	A0	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	
45	2107070013	Ngô Hải Đăng	1H-22	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	10.0	
				Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	A0	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	
46	2107070044	Ngô Hương Ly	1H-22	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	C0	Đại học Sejong	25/08/2024	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	7.4	
47	2107070004	Phạm Hải Phương Anh	2H-22	Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	A0	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB/CC	Ngày cấp/ Ngày thi	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
48	2107070035	Trung Ngọc Huyền	2H-22	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	10.0	
				Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	B+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	8.9	
49	2107070041	Trần Thị Linh	2H-22	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2025	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	3	10.0	
				Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	B+	Đại học Quốc gia Kangwon	08/01/2003	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	8.9	
50	2107170013	Vũ Thị Lan Anh	3H-22C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc	3	A+	Đại học Ajou	31/12/2024	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn	2	10.0	
				Nhập môn văn học Hàn Quốc	3	A0	Đại Học Ajou	31/12/2024	62KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	
VLVH													
51	2137070011	Nguyễn Thị Hồng	1TCH-21	TOPIK		Bậc 6	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/04/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
52	2137070024	Nguyễn Văn Nguyễn	1TCH-21	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
53	2237070001	Nguyễn Quỳnh Anh	1TCH-21-2	TOPIK		Bậc 5	Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	15/10/2023	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	

Danh sách có 53 sinh viên 



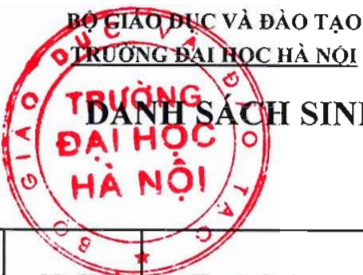


DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN - KHOA VIỆT NAM HỌC
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
1	22LVN04052	Lee Hanbyeol	1V04-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc tiếng Anh		Bậc 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/12/2024	61SFL3FL2	Ngoại ngữ 2_A2	4	MT	X		
									61SFL3FL3	Ngoại ngữ 2_1B1	3	MT	X		
									61SFL3FL4	Ngoại ngữ 2_2B1	4	MT	X		

2/2/



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA QTKD&DL
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2204050081	Nguyễn Thị Khánh Hòa	1M-22	Nguyên lý kế toán	3	9.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG	17/10/2024	61ACC2POA	Nguyên lý kế toán	3	9.1	
			1M-22	Kinh tế vĩ mô	3	8.8			61ECO2MAC	Kinh tế vĩ mô	3	8.8	
			1M-22	Toán kinh tế	3	8.1			61MAT2CEB	Toán cao cấp và ứng dụng trong kinh tế-kinh doanh	3	8.1	
			1M-22	Nguyên lý quản trị	3	8.3			61MGT2ITM	Quản trị học	3	8.3	
			1M-22	Nguyên lý Marketing	3	8.4			61MKT2PMK	Nguyên lý Marketing	3	8.4	
			1M-22	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	4	7.1			61STA2PAS	Xác suất và thống kê	3	7.1	
2	2104040025	Đặng Thùy Dương	1TC-21	Kế toán chi phí	8	29	Trường Đại học Tổng hợp Siena	14/01/2025	61ACC2MAA	Kế toán quản trị	3	9.5	
3	2006090099	Nguyễn Thủy Quỳnh	2D-20	Đổi mới xã hội và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	9	27/30	Trường Đại học Tổng hợp Firenze	11/02/2025	61HRM3DMA	Quản trị sự đa dạng	3	9.0	
			2D-20	Các chủ đề về Marketing và quản trị	6	27/30			61MKT4MRE	Nghiên cứu Marketing	3	9.0	
			2D-20	Các công cụ phân tích dữ liệu cho sự thay đổi xã hội	6	27/30			61OPM3SAD	Bảng tính và cơ sở dữ liệu	3	9.0	
4	2104050016	Luu Ngọc Hà	2M-21	Đổi mới xã hội và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	9	29		19/12/2024	61MKT3SOM	Marketing Xã hội	3	9.5	
			2M-21	Các chủ đề về Marketing và quản trị	6	27		20/12/2024	61MKT4B2B	Marketing tới khách hàng doanh nghiệp	3	9.0	
			2M-21	Du lịch và marketing rượu	9	27		07/02/2025	61THM3TMK	Marketing du lịch	3	9.0	
5	2106090062	Luu Thị Thu Phương	3D-21	Hành vi khách hàng	4	30	Trường Đại học Tổng hợp Parma	31/03/2024	61MKT3COB	Hành vi khách hàng	3	10.0	

Handwritten signature in blue ink.

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
6	2104040101	Dương Hà Trang	4TC-21	Kế toán tài chính và kế toán quản trị cơ bản	12	30	Trường Đại học Tổng hợp Pisa	11/02/2025	61ACC2FA1	Kế toán tài chính I	3	10.0	
			4TC-21	Ngân hàng và thị trường tài chính	6	30	Trường Đại học Tổng hợp Pisa	11/02/2025	61FIN3FSY	Hệ thống tài chính	3	10.0	
7	2104040109	Đặng Thanh Vân	4TC-21	Quản lý tính toán bảo hiểm	8	30	Trường Đại học Tổng hợp Parma	10/03/2025	61FIN3FMO	Mô hình tài chính	3	10.0	
			4TC-21	Tiếng Anh trong kinh doanh	6	29			61MGT3BCO	Giao tiếp trong kinh doanh	3	9.5	
8	2104040112	Đỗ Thị Kim Xuyên	4TC-21	Quản lý tính toán bảo hiểm	8	30			61FIN3FMO	Mô hình tài chính	3	10.0	
			4TC-21	Tiếng Anh trong kinh doanh	6	29			61MGT3BCO	Giao tiếp trong kinh doanh	3	9.5	
9	2104040026	Đỗ Thùy Dương	3TC-21	Kế toán tài chính quốc tế	6	27	Trường Đại học Tổng hợp Siena	27/02/2025	61ACC2FA1	Kế toán tài chính I	3	9.0	
			3TC-21	Kế toán chi phí	8	29			61ACC2MAA	Kế toán quản trị	3	9.5	

Danh sách gồm 09 sinh viên 



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - KHOA QUỐC TẾ HỌC
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2106080041	Nguyễn Thị Hương Giang	2Q-21	Mô hình kinh tế và lý thuyết điều khiển	6	4.5	Đại học Adam Mickiewicz	12/02/2025	61FIS3BCO	Giao tiếp Kinh doanh	3	9.0	
				Quản trị liên văn hoá	4	5			61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
				Phương pháp nghiên cứu	5	5			61FIS4REM	Phương pháp Nghiên cứu	3	10.0	
2	2106080064	Phạm Hồ Thanh Hương	2Q-21	Hội nhập và Toàn cầu hóa trong Chính trị quốc tế	4	5	Đại học Warsaw	26/02/2025	61FIS2GLO	Toàn cầu hóa	3	10.0	
				Kinh tế chính trị quốc tế	5	3			61FIS3INE	Kinh tế Quốc tế	3	6.0	
				Lịch sử Tư tưởng chính trị	5	4			61FIS3IPT	Nhập môn các Học thuyết Chính trị	3	8.0	
				Vận hành doanh nghiệp ở Châu Âu	4	5!			61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
				Phương pháp nghiên cứu	6	5			61FIS4REM	Phương pháp Nghiên cứu	3	8.0	
3	2106080024	Nguyễn Ngọc Tuệ Chi	3Q-21	Quản trị Liên văn hóa	4	5	Đại học Adam Mickiewicz	12/02/2025	61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
				Phương pháp nghiên cứu	5	5			61FIS4REM	Phương pháp Nghiên cứu	3	10.0	
4	2106080077	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	3Q-21	Quá trình dân chủ hoá được thực hiện tại Đài Loan và Ba Lan: phân tích trường hợp đối sánh	3	4	Đại học Warsaw	04/03/2025	61FIS3HNP	Nhân quyền và Chính sách Quốc gia	3	8.0	
				Lịch sử tư tưởng chính trị	5	4			61FIS3IPT	Nhập môn các Học thuyết Chính trị	3	8.0	
4	2106080077	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	3Q-21	Vận hành doanh nghiệp ở Châu Âu	4	5!	Đại học Warsaw	04/03/2025	61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
5	2106080013	Nguyễn Thị Hiền Anh	4Q-21	Chính sách phát triển bền vững - Toàn cầu, khu vực, địa phương và thể chế	4	5	Đại học Warsaw	18/02/2025	61FIS4PDS	Chính sách và Chiến lược Phát triển	3	10.0	
				Vận hành doanh nghiệp ở Châu Âu	4	5!			61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
				Phương pháp nghiên cứu	6	4,5			61FIS4REM	Phương pháp Nghiên cứu	3	9.0	

2/5/25

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
6	2106080124	Lê Minh Trang	4Q-21	Kinh tế chính trị quốc tế	5	4	Đại học Warsaw	14/02/2025	61FIS3INE	Kinh tế Quốc tế	3	8.0	
				Lịch sử Tư tưởng chính trị	5	4,5			61FIS3IPT	Nhập môn các Học thuyết Chính trị	3	9.0	
				Vận hành doanh nghiệp ở Châu Âu	4	5!	Đại học Warsaw		61FIS4PRM	Quản lý Dự án	3	10.0	
				Phương pháp nghiên cứu	6	4,5			61FIS4REM	Phương pháp Nghiên cứu	3	9.0	

Danh sách gồm 06 sinh viên 

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN/CHUẨN ĐẦU RA NLNN
KHOA TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2001140022	Nguyễn Hồng Hạnh	1C-20C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	08/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
2	2101140013	Trần Đồng Hải Anh	1C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
3	2101140030	Trần Việt Hoàng	1C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
4	2101140072	Nguyễn Thị Huyền Trang	1C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/02/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
5	2101140073	Phạm Tuyết Trinh	1C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
6	2104000033	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1K-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
7	2006080017	Nguyễn Ngọc Thuý Dung	1Q-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
8	2106080118	Nguyễn Đình Hào Thiên	1Q-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
9	2004040023	Nguyễn Linh Chi	1TC-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
10	2104040023	Phạm Thùy Dung	1TC-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
11	2001060018	Vũ Việt Đức	1TD-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/11/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
12	2001060086	Phùng Thị Quỳnh Trang	1TD-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
13	2101060059	Nguyễn Linh Nhi	1TD-21	GIẤY CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
14	2001040031	Vũ Thị Diên	2C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
15	2001040162	Đoàn Kim Oanh	2C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
16	2001040194	Lương Thị Úy Thiều	2C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
17	2001140004	Trần Đức Anh	2C-20C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
18	2001140018	Phạm Thị Ánh Dương	2C-20C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	



Handwritten signature.

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
19	2104000040	Nguyễn Thị Thu Hiền	2K-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
20	2104000055	Vũ Lê Nhật Lệ	2K-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
21	1904010015	Trần Hải Anh	2KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
22	2106060012	Nông Thế Bình	2NC-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
23	2004040028	Nguyễn Ngọc Diệp	2TC-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	02/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
24	2004010034	Nguyễn Thủy Hằng	3KT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	Học viện an ninh nhân dân	11/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
25	2104010026	Nguyễn Hà Kim Giang	3KT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
26	2104010096	Nguyễn Thị Hoài Thương	3KT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
27	2004000076	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	4K-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/11/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
28	1904010011	Nguyễn Thị Vân Anh	4KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
29	1904010069	Lê Thị Ngân Ly	4KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
30	1904010089	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
31	1904010096	Dương Thu Thảo	4KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
32	1906080133	Hoàng Hà Trang	4Q-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
33	2106080081	Trần Khánh Ly	4Q-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
34	2106080084	Sô La Huyền Mai	4Q-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
35	2106080099	Hoàng Gia Nguyễn	4Q-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
36	2001040128	Trịnh Thị Cẩm Ly	5C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/11/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
37	2001040129	Dương Ngọc Mai	5C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/02/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
38	2101040110	Lê Huyền Linh	5C-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/10/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
39	2101040176	Vũ Thị Thom	5C-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
40	2001040061	Vương Nguyệt Hà	6C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
41	1901040011	Lê Việt Anh	7C-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
42	1904010053	Trần Trung Kiên	1KT-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/4/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
43	19L4040001	Kawamata Mikiko	2KT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/05/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
44	18L4000001	Oyunchimeg Anujin	1K-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/05/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
45	2101140082	Trần Anh Vũ	1C-21C	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	IDP	26/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
46	2106090021	Trần Thu Hà	1D-21	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	IDP	01/04/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
47	2004010031	Phạm Thu Hà	1KT-20	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	IDP	22/06/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
48	2106060001	Đào Quỳnh Anh	1NC-21	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	IDP	20/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
49	2106060008	Nguyễn Tuấn Anh	1NC-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	Cambridge English	11/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
50	2106060018	Vũ Minh Hạnh	1NC-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	British Council	25/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
51	2106080006	Bùi Phương Anh	1Q-21	Chứng chỉ IELTS	5.5-B2	IDP	25/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
52	2106080007	Đào Thị Hoài Anh	1Q-21	Chứng chỉ IELTS	6.0-B2	British Council	27/07/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
53	2106080032	Đỗ Thị Vân Dung	1Q-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	IDP	05/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
54	2106080131	Trần Tiến Tuấn	1Q-21	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	British Council	07/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
55	2104040020	Phan Tuyết Chinh	1TC-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	IDP	26/10/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
56	2104040069	Nguyễn Đức Minh	1TC-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	IDP	04/11/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
57	2101040217	Phạm Thị Xuân	2C-21	Chứng chỉ IELTS	6.0-B2	British Council	12/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
58	2106090025	Nguyễn Thị Thanh Hào	2D-21	Chứng chỉ IELTS	6.0-B2	British Council	28/12/2023	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
59	2106190030	Phan Phương Mai	2D-21C	Chứng chỉ IELTS	6.0-B2	British Council	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
60	2206090065	Nguyễn Quốc Hiếu Minh	2D-22	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	IDP	06/07/2023	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
61	2104000072	Nguyễn Tuấn Nam	2K-21	Chứng chỉ IELTS	7.5-C1	British council	18/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
62	2106060021	Nhữ Minh Hiền	2NC-21	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	IDP	08/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
63	2106060033	Dương Phi Long	2NC-21	Chứng chỉ IELTS	7.0-C1	IDP	20/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
64	2106080008	Đoàn Thị Ngọc Anh	2Q-21	Chứng chỉ IELTS	6.5-B2	British Council	27/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	

V.A
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

anh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin quả	Kết quả	Ghi chú
Học phần/Chương chỉ xin chuyển đổi, công nhận												
Học phần tương đương/CDR NLNN												
65	2106080023	Ngô Hoàng Diễm Chi	2Q-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	22/02/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
66	2106080025	Thái Hoàng Văn Chi	2Q-21	Chứng chỉ IELTS	7,5-C1	British Council	07/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
67	2104000015	Hồ Thị Ánh	3K-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	04/04/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
68	2104000050	Trần Thị Mai Hương	3K-21	Chứng chỉ IELTS	6,0-B2	British Council	24/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
69	2106080029	Ngô Quốc Đạt	3Q-21	Chứng chỉ IELTS	7,5-C1	IDP	10/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
70	2106080031	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3Q-21	Chứng chỉ IELTS	7,5-C1	British Council	15/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
71	2106080053	Phạm Minh Hiền	3Q-21	Chứng chỉ IELTS	7,5-C1	Cambridge Assessment	07/03/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
72	2106080074	Bùi Thị Tâm Linh	3Q-21	Chứng chỉ IELTS	5,5-B2	IDP	26/10/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
73	2106080134	Mai Thị Khánh Vi	3Q-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	10/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
74	2101060011	Nguyễn Hồng Anh	3TD-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	29/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
75	2101060015	Nguyễn Thị Lan Anh	3TD-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	British Council	02/11/2023	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
76	2004000102	Dư Thị Hiền Trang	4K-20	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	02/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
77	2104010092	Lương Phương Thảo	4KT-21	Chứng chỉ IELTS	6,0-B2	IDP	18/12/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
78	2106080014	Nguyễn Thị Phương Anh	4Q-21	Chứng chỉ IELTS	6,0-B2	British Council	21/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
79	2106080040	Nguyễn Hương Giang	4Q-21	Chứng chỉ IELTS	7,5-C1	British Council	14/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
80	2106080042	Như Ngân Giang	4Q-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	01/04/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
81	2106080071	Trần Minh Huyền	4Q-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	British Council	29/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
82	2001040087	Bách Quang Hưng	6C-20	Chứng chỉ IELTS	8,0-C1	IDP	19/12/2023	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
83	2101040184	Võ Duy Tiến	6C-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	16/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
84	2101060033	Nguyễn Diệu Hoa	3TD-21	Chứng chỉ IELTS	6,5-B2	IDP	12/08/2023	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2	0	MT	
85	2401240013	Đoàn Trung Kiên	IC-24TTAC N	Chứng chỉ IELTS	7,0-C1	British Council	07/06/2024	6IESP1B1A	Thực hành tiếng Anh B1	18	MT	
								6IESP1B2A	Thực hành tiếng Anh B2	18	MT	

th

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Tên học phần	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
86	2204050081	Nguyễn Thị Khánh Hòa	1M-22	Chứng chỉ Cambridge	B2	Cambridge University Press & Assessment	14/12/2024	61ESP1A2	Thực hành tiếng A2	14	MT	
								61ESP1B1	Thực hành tiếng B1	14	MT	
								61ESP1B2	Thực hành tiếng B2	14	MT	
87	2207170024	Nguyễn Thùy Dương	1TD-23	Chứng chỉ IELTS	7.5-C1	IDP	02/04/2025	61ESP1A2	Thực hành tiếng A2	14	MT	
								61ESP1B1	Thực hành tiếng B1	14	MT	
								61ESP1B2	Thực hành tiếng B2	14	MT	
88	2404000079	Phạm Đức Long	3K-24ACN	Chứng chỉ IELTS	6.0-B2	British Council	13/03/2024	61ESP1B2A	Thực hành tiếng Anh B2	18	MT	
89	2404040043	Nguyễn Phương Linh	2TC-24ACN	Chứng chỉ IELTS	7.5-C1	British Council	06/06/2024	61ESP1B2A	Thực hành tiếng Anh B2	18	MT	

Danh sách gồm 89 sinh viên 



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP,
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2001040075	Hồ Văn Hiếu	3C-20	Công nghệ thực tại tăng cường/Technology For Extended Reality	6	27	Trường Đại học Tổng hợp Camerino	20/02/2025	61FIT3MUL	Đa phương tiện	3	9.0	

Danh sách gồm 01 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYÊN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP - BỘ MÔN TIN HỌC CƠ SỞ
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chương chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú	
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet		
I. Danh sách sinh viên có chứng chỉ đề nghị được xét miễn học phần															
1	2307010120	Nguyễn Thu Lan	11A-23	Microsoft Word		MICROSOFT	29/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft PowerPoint			31/08/2024								
				Microsoft Excel			29/07/2024								
2	2407210074	Nguyễn Thùy Dung	1A-24TT	Microsoft Word		MICROSOFT	19/05/2022	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft PowerPoint			21/03/2023								
				Microsoft Excel			25/11/2023								
3	2407050038	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1Đ-24	Microsoft Word		MICROSOFT	07/01/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft PowerPoint											
				Microsoft Excel											
4	2304000076	Nguyễn Thị Nhân	1K-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	07/01/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
5	2304050021	Phạm Thuý Dương	1M-23	Microsoft Excel		MICROSOFT	26/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft PowerPoint											
				Microsoft Word											
6	2304050032	Nguyễn Đức Kiên	1M-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	24/12/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft Excel			27/12/2023								
				Microsoft Word			25/12/2023								
7	2304050058	Trần Mai Phương	1M-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	28/01/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
8	2307020166	Vũ Khánh Vân	1N-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
9	2306060043	Bùi Thị Thanh Thảo	1NC-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	25/10/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
10	2406060015	Ngô Thục Anh	1NC-24ACN	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	24/09/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
11	2306080004	Lê Ngọc Anh	1Q-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	16/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft Word			01/02/2024								
				Microsoft Excel			30/01/2024								
12	2306080053	Đào Thị Diệu Linh	1Q-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	16/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft Excel			15/03/2024								
				Microsoft Word			01/02/2024								
13	2306080094	Nguyễn Hoài Như	1Q-23	Microsoft Word		MICROSOFT	01/02/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
				Microsoft PowerPoint			15/03/2024								
				Microsoft Excel			30/01/2024								
14	2307040051	Bùi Hồng Huệ	1T-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	18/01/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
15	2407040001	Cao Thị Thu Hằng	1T-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/10/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
16	2407080072	Nguyễn Hà Anh	1TB-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	21/02/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
17	2404040025	Vũ Ngọc Linh	1TC-24ACN	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/10/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X			
18	2437011022	Nguyễn Trung Kiên	1TCA-24-1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI	06/12/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X			
19	2437011034	Lê Thành Trung	1TCA-24-1	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	17/03/2019	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X			
				Microsoft Word			31/05/2020								
				Microsoft Excel			14/03/2021								
20	2237040516	Nguyễn Thị Chúc	1TCT-22-2	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/08/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
21	2437042114	Lê Hạnh Thảo	1TCT-24-2	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	15/09/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
22	0223A0091	Nguyễn Thị Tô Linh	1TXA23.1.H N	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	15/11/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
23	2407210067	Lê Hương Giang	2A-24TT	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		MICROSOFT	27/02/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
24	2407050076	Đỗ Trần Huyền My	2Đ-24	Microsoft Word		MICROSOFT	21/06/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft PowerPoint		07/06/2022									
			Microsoft Excel		07/07/2024									
25	2407070139	Nguyễn Thị Phương Thảo	2H-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	04/01/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
26	2207190006	Lê Hà Anh	2I-22C	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	30/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft Excel											
			Microsoft Word											
27	2207190018	Nguyễn Minh Châu	2I-22C	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	30/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
28	2207190026	Trần Thị Hằng	2I-22C	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	30/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
29	2207190042	Phạm Diệu Linh	2I-22C	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	30/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft Word											
			Microsoft Excel											
30	2207190047	Phạm Thị Hồng Ngọc	2I-22C	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	30/7/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
31	2404000061	Nguyễn Minh Phương	2K-24ACN	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	28/08/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
32	2306080129	Phan Yến Vy	2Q-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	16/04/2022	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
33	2407080004	Lương Thục Uyên	2TB-24	Microsoft Excel		MICROSOFT	09/12/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft PowerPoint		13/01/2023									
			Microsoft Word		10/05/2022									
34	2407080050	Phạm Vũ Thanh Thu	2TB-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	13/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
35	2304040073	Trịnh Yến Nhi	2TC-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	10/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft Word											
			Microsoft Excel											
36	2307170102	Bùi Phương Uyên	3H-23C	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	25/10/2023	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
37	2304000040	Nguyễn Thu Hương	3K-23	Microsoft Word		MICROSOFT	22/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft PowerPoint		26/07/2024									
			Microsoft Excel		22/07/2024									
38	2304000101	Trần Huyền Trang	3K-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	23/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft Word		16/07/2024									
			Microsoft Excel		26/07/2024									
39	2404000073	Nguyễn Mai Anh	3K-24ACN	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	24/10/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
40	2404000080	Đoàn Thanh Thủy	3K-24ACN	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
41	2304050003	Hoàng Phương Anh	3M-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	18/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
42	2304050038	Nguyễn Diệu Linh	3M-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	18/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
43	2306080010	Trần Lê Lâm Anh	3Q-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	16/04/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft Excel		28/11/2024									
			Microsoft Word		27/06/2024									
44	2306080116	Nguyễn Duy Quỳnh Trang	3Q-23	Microsoft Word		MICROSOFT	05/05/2022	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft PowerPoint		01/04/2023									
			Microsoft Excel		22/05/2022									
45	2407040035	Hoàng Hương Ly	3T-24	Microsoft Word		MICROSOFT	07/11/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
			Microsoft PowerPoint		26/11/2024									
			Microsoft Excel		04/11/2024									

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
46	2407010027	Nguyễn Việt Hà	4A-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	26/11/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
47	2407010293	Nguyễn Phan Thủy Linh	4A-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	07/03/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
48	2407070079	Phan Thị Hồng Chuyên	4H-24	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	02/11/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft Word			02/11/2024							
				Microsoft Excel			07/06/2023							
49	2407030015	Nguyễn Mai Phương	4P-24	Microsoft Excel		MICROSOFT	15/09/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft Word			15/09/2024							
				Microsoft PowerPoint			21/10/2024							
50	2307140020	Nguyễn Thị Dung	4T-23C	Microsoft Word		MICROSOFT	29/03/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint										
				Microsoft Excel										
51	2307140078	Lương Thị Thu Thảo	4T-23C	Microsoft Excel		MICROSOFT	30/05/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint										
				Microsoft Word										
52	2307010038	Trần Thị Thanh Châm	5A-23	Microsoft Excel		MICROSOFT	21/02/2025	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint			26/02/2025							
				Microsoft Word			21/02/2025							
53	2307010247	Nguyễn Minh Thúy	5A-23	Microsoft Excel		MICROSOFT	22/08/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint			22/08/2024							
				Microsoft Word			15/08/2024							
54	2307040031	Đỗ Hương Giang	5T-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	26/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
55	2307040133	Tạ Thị Thu Phương	5T-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	16/07/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
56	3537010021	Bùi Minh Đức	5TCA-22-1	IC3		MICROSOFT	24/08/2022	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
57	2407070033	Bùi Phương Ngân	6H-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	29/05/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
58	2407070065	Vũ Phương Linh	6H-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	20/01/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
59	2407070093	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	6H-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	04/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
60	2407040095	Phạm Phương Linh	6T-24	Microsoft Excel		MICROSOFT	21/10/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint										
				Microsoft Word										
61	2407040159	Hoàng Thị Thu Hoài	6T-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	13/12/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
62	2307010144	Trần Khánh Linh	7A-23	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	20/09/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
63	2307010047	Vũ Quỳnh Chi	8A-23	Microsoft PowerPoint		MICROSOFT	23/10/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft Word										
				Microsoft Excel										
64	2307010054	Nguyễn Thảo Duyên	8A-23	Microsoft Excel		MICROSOFT	19/10/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
				Microsoft PowerPoint			26/10/2024							
				Microsoft Word			24/10/2021							
65	2407010259	Phan Thị Ngọc Linh	8A-24	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	20/11/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
66	2407240051	Lã Mai Linh	2T-24TT	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	27/01/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
67	2407240095	Trần Minh Ngọc	2T-24TT	Microsoft Office Specialist		MICROSOFT	25/11/2024	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
68	0221A0199	Phạm Nguyễn Tú Ngân	ITXX31.VD	Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản		Trường Đại học Nguyễn Trãi	15/04/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	X		
II. Danh sách sinh viên đã có 1 bằng đại học, đề nghị được xét miễn học phần														
69	2437012050	Đào Minh Nam	1TCA-24-2	Nhập môn Tin học	3	HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN	12/06/2006	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
70	3137010039	Đặng Công Huy	1TCA-31	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	30/05/2019	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
71	3237010007	Bùi Duy Cường	1TCA-32	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	26/06/2025	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	4	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
72	3237010017	Lê Ngọc Khánh	ITCA-32	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	13/12/2022	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
73	3237010020	Nguyễn Minh Ngọc	ITCA-32	Tin học ứng dụng	2	HỌC VIỆN QUÂN Y	18/07/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
74	2437071007	Lê Thị Cúc	ITCH-24-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	12/11/2021	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
75	2437071019	Ngô Thị Thanh Hiếu	ITCH-24-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	18/08/2021	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
76	2437071034	Hoàng Hải Long	ITCH-24-1	Nhập môn tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	18/04/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
77	2437071041	Đặng Bích Ngọc	ITCH-24-1	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	18/06/2018	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
78	2437071046	Nguyễn Thị Minh Phương	ITCH-24-1	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	23/07/2018	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
79	2437071051	Đỗ Hoài Thu	ITCH-24-1	Tin học cơ bản	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	28/09/2017	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
80	2437072028	Tạ Thị Thanh Hà	ITCH-24-2	Chuẩn Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	06/06/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
81	2437072059	Tạ Thị Nhung	ITCH-24-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	17/06/2019	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
82	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	ITCNB-24-1	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/12/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	7.5	X		
83	2137040002	Nguyễn Thị Vân Anh	ITCT-21	Tin học ứng dụng	3	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	21/06/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
84	2237040202	Phạm Thị Vân Anh	ITCT-22-1	Hệ thống thông tin quản lý	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	21/10/2022	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
85	2437041090	Lê Thị Thu Thủy	ITCT-24-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	28/06/2013	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
86	2437042001	Phạm Thu An	ITCT-24-2	Tin học ứng dụng	1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	29/12/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
87	0221C0675	Nguyễn Đình Dương	ITXA21.3.H N	Tin học		HỌC VIỆN QUÂN Y	12/07/2011	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
88	0222C0242	Trần Thị Mơ	ITXA22.3.H N	Tin học đại cương	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	09/07/2009	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
89	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc Anh	ITXA22.3.H N	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	11/06/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
90	0221D0826	Nguyễn Mạnh Hùng	ITXA22.4.H N	Tin học	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	06/07/2015	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
91	0223C0641	Nguyễn Việt Phong	ITXA22.4.H N	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	04/04/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
92	0223A0060	Nguyễn Thu Hương	ITXA23.1.H N	Tin học đại cương	4	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	19/06/2013	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
93	0223A0069	Trần Gia Huy	ITXA23.1.H N	Trình độ Tin học/ ICT proficiency		ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	24/12/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
94	0223B0239	Trần Minh Hằng	ITXA23.2.H N	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	23/05/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
95	2427010645	Tào Quỳnh Hương	ITXA23.2.H N	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	5.7	X		
96	2427010962	Nguyễn Thị Hồng Vân	ITXA23.2.H N	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	5	X		
97	0223C0410	Trần Thị Lan Anh	ITXA23.3.H N	Tin học	5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM	31/01/2003	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
98	0223C0502	Nguyễn Đức Hậu	ITXA23.3.H N	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao	10	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	30/10/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
99	0223C0517	Nguyễn Thị Thu Hiền	ITXA23.3.H N	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	31/03/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
100	2427010059	Nguyễn Thị Kim Cúc	ITXA23.3.H N	Ứng dụng công nghệ thông tin	0	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	28/06/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
101	0223D0903	Trần Mĩ Hạnh	ITXA23.4.H N	Tốt nghiệp đại học	0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	21/07/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
102	0223D1047	Phạm Thị Bích Ngọc	ITXA23.4.H N	Quản lý công nghệ	3	Trường Đại Học Hà Nội	18/06/2002	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	7	X		
103	0223D1060	Nguyễn Thị Yến Nhi	ITXA23.4.H N	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	13/08/2013	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
104	0223D1099	Đỗ Thị Quyên	ITXA23.4.H N	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	18/06/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
105	0223D1113	Đỗ Thị Thanh	ITXA23.4.H N	Tin học 2	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐỒ	12/08/2004	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
105				Tin học 1	2									
106	0223D1147	Nguyễn Thị Bích Thủy	ITXA23.4.H N	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH	02/08/2010	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
106				Tin học đại cương	4									
107	0223D1178	Vũ Thị Hồng Tươi	ITXA23.4.H N	Tin học Đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	27/06/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
108	0223D1202	Nguyễn Hải Yến	ITXA23.4.H N	Nhập môn khoa học máy tính	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	24/02/2021	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
109	2427010660	Hoàng Thị Thanh Huyền	ITXA23.4.H N	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	12/10/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
110	2427010801	Vũ Thị Oanh	ITXA23.4.H N	Tin học 1	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	05/09/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
110				Tin học 2	2									
111	2427010813	Ngô Thị Phương	ITXA23.4.H N	THCS 2	3	ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	06/07/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
112	2427010851	Ngô Nhật Thanh	ITXA23.4.H N	Tốt nghiệp đại học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM	27/10/2021	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
113	2427010931	Nguyễn Thủy Trang	ITXA23.4.H N	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	24/03/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
114	2427010933	Trần Thu Trang	ITXA23.4.H N	Tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	15/06/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
115	0222C0156	Trần Thị Minh Anh	ITXA24.1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN MICROSOFT	26/09/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
115			ITXA24.1	Microsoft Office Specialist	0		07/01/2022							
116	0223A0145	Trần Thanh Thảo	ITXA24.1	Tin học cơ bản I	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	23/06/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
116				Tin học cơ bản II	3									
117	2427010017	Nguyễn Thị Tuyết Anh	ITXA24.1	Tin học đại cương	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	22/09/2015	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
118	2427010035	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ITXA24.1	Tin học đại cương	2	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	03/09/2020	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
119	2427010283	Trần Đức Nguyên	ITXA24.1	Tin học ứng dụng	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	29/09/2020	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
120	2427010337	Lê Thị Thanh	ITXA24.1	Tin học kế toán	5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	12/10/2005	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
121	2427010391	Lê Thị Thủy Tiên	ITXA24.1	Tin học ứng dụng	2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	04/04/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
122	2427010556	La Thị Thu Duyên	ITXA24.1	Tốt nghiệp Đại học		TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	03/06/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
123	2427010940	Lê Hoàng Trung	ITXA24.1	Tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	19/10/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
124	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	ITXA24.1	Công nghệ thông tin và truyền thông	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	08/07/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
125	0223A0013	Nguyễn Thị Vân Anh	ITXA24.2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	17/04/1998	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
126	2427010474	Nguyễn Ngọc Mai Anh	ITXA24.2	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	01/07/2020	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
127	2427010754	Kiều Hạnh Nga	ITXA24.2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	10/07/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
128	0221A0069	Lê Bảo Ngọc	ITXK31.A1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	26/03/2025	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
129	2167010284	Trương Trung Hiếu	1VBA22-1	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	27/08/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
130	2267010158	Chu Hồng Thu	1VBA22-1	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin		TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	25/03/2025	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
131	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	28/06/2013	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
132	2467010073	Lê Thị Thanh Huyền	1VBA24-1	Tin học cơ sở	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	16/06/2010	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
133	2467010177	Hoàng Phương Anh	1VBA24-2	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	14/07/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
134	2467010191	Võ Hoàng Anh	1VBA24-2	Khái niệm cơ bản, windows, word và PowerPoint	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	30/12/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
135	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	6.6	X		
136	2467010201	Lê Bảo Chi	1VBA24-2	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	21/06/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
137	2467010208	Nguyễn Khắc Đại	1VBA24-2	Nhập môn Tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	28/11/2013	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
138	2467010222	Trương Quang Duy	1VBA24-2	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	6.6	X		
139	2467010224	Đoàn Đức Giang	1VBA24-2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	01/07/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
140	2467010231	Trần Bích Hà	1VBA24-2	Tin học cơ sở 2	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	09/07/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
141	2467010249	Nguyễn Thị Kim Hồng	1VBA24-2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	08/08/2023	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
142	2467010296	Nguyễn Lê Trà My	1VBA24-2	Tin học ứng dụng	3	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	24/02/2023	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
143	2467010297	Trần Bá Nam	1VBA24-2	Tin học cơ bản 1	3	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	01/04/2022	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
143				Tin học cơ bản 2	3									
144	2467010307	Bùi Bảo Ngọc	1VBA24-2	Tin học cơ bản	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	24/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
144				Tin học nâng cao	4									
145	2467010314	Bùi Thị Nguyệt	1VBA24-2	Tin học đại cương	4 ĐVHT	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	30/06/2011	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
146	2467010342	Đỗ Chí Thành	1VBA24-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	02/07/2001	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
147	2467010370	Vũ Hương Trang	1VBA24-2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	6.4	X		
148	2467010379	Đặng Đình Tuyên	1VBA24-2	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	16/07/2014	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
148				Tin học đại cương	2									
149	2467010390	Nguyễn Thị Yến	1VBA24-2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	06/07/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
150	2467010391	Lê Quang Huy	1VBA24-2	Tin học cơ sở	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	02/07/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
151	2167040001	Cù Thị Lưu An	1VBT21-1	Ứng dụng tin học trong dạy học vật lý	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	04/09/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
151				Tin học vật lý	3									
152	2167040021	Nguyễn Anh Đức	1VBT21-1	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	21/04/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
153	2167040029	Phan Hương Giang	1VBT21-1	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	15/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
154	2167040036	Vũ Thị Thu Hà	1VBT21-1	Tin học ứng dụng	21	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	30/06/2010	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
155	2167040038	Nguyễn Thu Hằng	1VBT21-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	22/05/2014	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
156	2167040060	Dương Thị Lan	1VBT21-1	Nhập môn tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	11/07/2016	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
157	2167040073	Nguyễn Minh Ngọc	1VBT21-1	Tin học ứng dụng	3	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	10/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
158	2167040097	Nguyễn Thị Giang Thư	1VBT21-1	Tin học ứng dụng	3									
159	2167040101	Trần Thanh Trà	1VBT21-1	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	12/06/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
160	2167040110	Trần Ánh Vân	1VBT21-1	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/07/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	9.3	X		
161	2167040117	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1VBT21-1	Tin học 2	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	20/10/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học 1	2									
162	2267040062	Lê Thị Lưu	1VBT22-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	12/09/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
163	2267040149	Lê Thị Hiền	1VBT22-2	Tin ứng dụng	2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	06/08/2009	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
164	2267040166	Dương Hoàng Lan	1VBT22-2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	18/05/2022	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
165	2267040193	Nguyễn Hồng Ngọc	1VBT22-2	Tin học văn phòng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	24/10/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
166	2267040209	Vũ Thị Tho	1VBT22-2	Tin học cơ sở	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LAT	25/12/2008	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
167	2467040046	Hoàng Thị Hào	1VBT24-1	Tin học đại cương	5	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	06/07/2016	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
168	2467040079	Nguyễn Thị Minh	1VBT24-1	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	4	CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN	21/07/2011	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
169	2467040173	Nguyễn Thanh Huyền	1VBT24-2	Tin học cơ sở	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	5.0	X		
170	2467040221	Tạ Hoài Thương	1VBT24-2	Tin học cơ sở 1	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	14/10/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học cơ sở 3	2									
171	2337040001	Nguyễn Thu Thuận An	2TCT-23-1	Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin		TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	30/09/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
172	2437042088	Nguyễn Trà My	2TCT-24-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	21/10/2021	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
173	2437042112	Nguyễn Phương Thảo	2TCT-24-2	Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	18/04/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
174	2427010072	Phan Văn Đoàn	2TXA24.1	Tin học đại cương	45 tiết	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	08/08/2008	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
175	2427010080	Nguyễn Thị Dung	2TXA24.1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	04/06/2013	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
176	2427010096	Đặng Thu Hà	2TXA24.1	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	29/06/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
177	2427010166	Trương Thị Hồng Hường	2TXA24.1	Hệ thống thông tin quản lý	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	02/06/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
178	2427010327	Lê Thị Hồng Sen	2TXA24.1	Tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐÓ	24/03/2001	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
179	2427010403	Nguyễn Thị Huyền Trang	2TXA24.1	Tin học	60 tiết	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	15/06/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
180	2427010523	Nguyễn Như Đại	2TXA24.2	Tin	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	06/07/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
181	2427010626	Đặng Thị Hợp	2TXA24.2	Tin học đại cương, Tin học văn phòng, Tin học Foxpro	13	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	28/06/2004	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
182	2427010760	Phạm Kiều Nga	2TXA24.2	Nhập môn Tin học	3 ĐVHT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/07/2002	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	8	X		
183	2427010777	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2TXA24.2	Tin học Quản trị	75	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI		65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học Đại cương	75									
184	2167040004	Nguyễn Phương Anh	2VBT21-1	Tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	16/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
185	2167040014	Giang Mạnh Cẩm	2VBT21-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	04/03/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
186	2167040022	Nguyễn Thị Thuý Dương	2VBT21-1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG	15/08/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
187	2167040031	Hoàng Thị Trà Giang	2VBT21-1	Tin học đại cương	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	30/06/2016	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
188	2167040071	Lê Thu Ngà	2VBT21-1	Tin học đại cương	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	30/06/2016	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
189	2167040076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2VBT21-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	12/06/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
190	2167040080	Nguyễn Thành Nôi	2VBT21-1	Tin học đại cương - Ứng dụng	3	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	17/09/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tin chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
191	2167040084	Phạm Thị Quỳnh	2VBT21-1	Tin học đại cương + Tin học ứng dụng	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	28/06/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
192	2167040094	Trần Thiên Trang Thơ	2VBT21-1	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	29/06/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
193	2267040047	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2VBT21-1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	21/05/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
194	2267040057	Nguy Mỹ Linh	2VBT21-1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	26/06/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
195	2267040015	Nguyễn Thị Diệp	2VBT22-1	Tin học đại cương- Ứng dụng	3	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	15/11/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
196	2467040135	Nguyễn Thị Yên	2VBT24-1	Tin học đại cương	3	ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	13/09/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
197	2467040144	Nguyễn Tú Anh	2VBT24-2	Tin học đại cương	2	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	02/05/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
198	2467040179	Nguyễn Thị Lê	2VBT24-2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	14/04/2023	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
199	2467040181	Nguyễn Thị Linh	2VBT24-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	31/10/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
200	2467040218	Lê Thị Thu	2VBT24-2	Tin học cơ sở 2	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	22/07/2024	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
201	2467040220	Nguyễn Thị Thu	2VBT24-2	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/08/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	7.5	X		
202	2467040237	Khuất Thị Vang	2VBT24-2	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	27/06/2011	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
203	2437042076	Nguyễn Mai Linh	3TCT-24-2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	08/08/2019	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
204	2437042090	Phạm Thu Thảo My	3TCT-24-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	14/06/2017	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
205	2437042135	Phùng Tố Uyên	3TCT-24-2	Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	16/04/2025	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
206	2427010122	Vũ Lê Diễm Hằng	3TXA24.1	Tin cơ bản 2	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	20/06/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin cơ bản 1	2									
207	2427010181	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3TXA24.1	Tin học	3 ĐVHT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	01/08/2006	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
208	2427010262	Nguyễn Thị Thanh Nga	3TXA24.1	Tin học	2 ĐVHT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐỒNG ĐỒ	20/06/2005	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
209	2427010335	Nguyễn Minh Thắng	3TXA24.1	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	28/07/2020	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
210	2427010398	Hoàng Ngọc Minh Trang	3TXA24.1	Ứng dụng công nghệ thông tin	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	05/03/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
211	2427010427	Trần Thị Tuyết	3TXA24.1	Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin		TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	17/10/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
212	2427010589	Bùi Thị Hồng Hạnh	3TXA24.2	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	13/06/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
213	2167040012	Nguyễn Quỳnh Anh	3VBT21-1	Tin học	21 ĐVHT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	10/09/2018	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
214	2167040040	Cao Mỹ Hạnh	3VBT21-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	03/03/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
215	2167040046	Phùng Thị Hoa	3VBT21-1	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	25/06/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
216	2167040054	Lê Thị Hương	3VBT21-1	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	04/09/2015	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
217	2167040059	Lê Phương Lan	3VBT21-1	Tin học ứng dụng	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	30/03/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
218	2167040062	Nguyễn Thị Linh	3VBT21-1	Tin học văn phòng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	27/06/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
219	2167040069	Trần Thị Thanh Nga	3VBT21-1	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	21/05/2014	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
220	2167040072	Nguyễn Thị Ngân	3VBT21-1	Nhập môn tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	15/06/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
221	2167040085	Nguyễn Thị Sinh	3VBT21-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	04/06/2013	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
222	2167040091	Nguyễn Văn Thanh	3VBT21-1	Tin học	4	ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	20/03/1998	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyệt	
223	2167040095	Nguyễn Thuý Anh Thơ	3VBT21-1	Tin học ứng dụng	1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	15/11/2021	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
			3VBT21-1	Tin học đại cương	2									
224	2167040099	Chu Liên Thương	3VBT21-1	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	26/11/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
225	2167040105	Nguyễn Quỳnh Trang	3VBT21-1	Tin học ứng dụng	3	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	12/06/2017	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
226	2267040076	Phạm Thị Nụ	3VBT21-1	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	17/07/2020	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
227	2267040106	Hoàng Thị Diệp Trang	3VBT21-1	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	06/10/2016	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
228	2267040005	Đặng Thị Kim Anh	3VBT22-1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	17/06/2019	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
229	2237040009	Đỗ Thị Mai Anh	4TCT-21-2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	16/11/2023	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
230	2237040104	Nguyễn Thị Phương	4TCT-21-2	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	21/06/2024	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
231	2427010073	Lâm Văn Đông	4TXA24.1	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	07/02/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
232	2427010103	Nguyễn Thu Hà	4TXA24.1	Tin học đại cương	60 tiết	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	09/06/2009	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
233	2427010153	Nguyễn Văn Hùng	4TXA24.1	Tin học đại cương	3		06/04/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
234	2427010180	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	4TXA24.1	Tin học đại cương	3		14/01/2025	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học ứng dụng	2									
235	2427010231	Võ Thị Lý	4TXA24.1	Tin học cơ bản	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	25/08/2015	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
236	2427010308	Nguyễn Thị Phương	4TXA24.1	Nhập môn tin học	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	24/09/2014	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
237	2427010363	Phạm Thị Thu	4TXA24.1	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	29/03/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
238	2427010425	Tạ Kim Tuyền	4TXA24.1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	21/05/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
239	2427010447	Hoàng Thị Hải Yến	4TXA24.1	Tin học cơ sở 1	2	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	11/03/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học cơ sở 2	2									
240	2427010697	Hà Nhật Linh	4TXA24.2	Tin học Đại cương + Tin học Ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	30/06/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
241	2427010701	Nguyễn Phương Linh	4TXA24.2	Tin học	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM	31/07/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
242	2427010051	Lê Thị Châu	5TXA24.1	Tin học đại cương	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	10/07/2006	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
243	2427010083	Trần Thị Dung	5TXA24.1	Tin học cơ sở	4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/06/2011	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
244	2427010158	Lê Thị Quỳnh Hương	5TXA24.1	Tin học cơ sở 1	2	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	22/08/2023	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học cơ sở 3	2									
245	2427010159	Lương Thị Hương	5TXA24.1	Tin học văn phòng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	20/06/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
246	2427010286	Trương Ánh Nguyệt	5TXA24.1	Tin học ứng dụng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	06/08/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
247	2427010384	Nguyễn Thị Thủy	5TXA24.1	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	23/10/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
248	2427011080	Nguyễn Trà Giang	5TXA24.1	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/12/2024	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	8.7	X		
249	2427011248	Nguyễn Hồng Ngọc	5TXA24.1	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/07/2021	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	8.7	X		
250	2427010497	Nguyễn Thị Ánh	6TXA24.2	Tin học đại cương	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	23/08/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
251	2427010531	Đinh Thị Dư	6TXA24.2	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	22/06/2013	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
252	2427010569	Nguyễn Hải Hà	6TXA24.2	Tin học cơ sở	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	09/07/2001	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
				Tin học cơ sở	2									
253	2427010592	Vũ Hồng Hạnh	6TXA24.2	Tin học văn phòng	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	20/06/2016	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
254	2427010644	Phạm Lê Dạ Hương	6TXA24.2	Ứng dụng công nghệ thông tin	2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	25/06/2011	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
255	2427010804	Trịnh Thị Phúc	6TXA24.2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	30/06/2022	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
256	2427010557	Bùi Thị Huyền Giang	7TXA24.2	Tin học ứng dụng	2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	29/06/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
257	2427010713	Trần Thị Mỹ Linh	7TXA24.2	Tin học đại cương	3	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	07/08/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/Chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương				Ý kiến		Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Duyệt	Không duyet	
258	2427010714	Trương Thị Linh	3TXA24.2	Tốt nghiệp Đại học		TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	14/03/2019	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
259	2427010762	Đỗ Thùy Ngân	7TXA24.2	Tin học đại cương	3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	29/03/2018	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		
260	0223D0900	Vũ Minh Hằng	1TXA23.I.H N	Ứng dụng công nghệ thông tin	3	ĐẠI HỌC PONTIFICIA BOLIVARIANA	27/09/2012	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	X		

Danh sách gồm 260 sinh viên. 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	0222D0365	Phạm Thị Phương Hoa	1TXA22.4.HN	ĐẠI HỌC MỎ MATXCOVA-LB NGA	65PML1PML	3	MT	
2	2427010660	Hoàng Thị Thanh Huyền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
3	2427010940	Lê Hoàng Trung	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
4	2427010569	Nguyễn Hải Hà	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
5	0223A0145	Trần Thanh Thảo	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML3HCM	11	MT	
6	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	1TCNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCMA	13	MT	
7	2237040009	Đỗ Thị Mai Anh	4TCT-21-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
8	2427010427	Trần Thị Tuyết	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
9	2427011080	Nguyễn Trà Giang	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
10	0221C0675	Nguyễn Đình Dương	1TXA21.3.HN	HỌC VIỆN QUÂN Y	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
11	2267040015	Nguyễn Thị Diệp	2VBT22-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
12	2467040179	Nguyễn Thị Lê	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
13	2467040046	Hoàng Thị Hào	1VBT24-1	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	63PML1GEL, 63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
14	0223C0517	Nguyễn Thị Thu Hiền	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
15	2167040094	Trần Thiên Trang Thơ	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
16	2427010697	Hà Nhật Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
17	2267040106	Hoàng Thị Diệp Trang	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
18	2427010531	Đinh Thị Dư	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	11	MT	
19	2467040135	Nguyễn Thị Yến	2VBT24-1	KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
20	2437071007	Lê Thị Cúc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
21	2167040054	Lê Thị Hương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HUNG YÊN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
22	2427010159	Lương Thị Hương	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
23	2427010754	Kiều Hạnh Nga	1TXA24.2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
24	2427010072	Phan Văn Đoàn	2TXA24.1	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
25	0223D1099	Đỗ Thị Quyên	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2HVC, 65PML3HCM	9	MT	
26	2427010644	Phạm Lê Dạ Hương	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
27	2467040218	Lê Thị Thu	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-ĐHQG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
28	2467010201	Lê Bảo Chi	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
29	2467010370	Vũ Hương Trang	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
30	2167040046	Phùng Thị Hoa	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
31	2467010342	Đỗ Chí Thành	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
32	0221A0069	Lê Bảo Ngọc	1TXK31.A1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
33	2427010096	Đặng Thu Hà	2TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
34	2427010931	Nguyễn Thùy Trang	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
35	2467040079	Nguyễn Thị Minh	1VBT24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PML1GEL, 63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
36	2427010933	Trần Thu Trang	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
37	2427010262	Nguyễn Thị Thanh Nga	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐỒNG ĐỒ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
38	2167040001	Cù Thị Lưu An	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
39	2167040060	Dương Thị Lan	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
40	2467040181	Nguyễn Thị Linh	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
41	2427010557	Bùi Thị Huyền Giang	7TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
42	2167040091	Nguyễn Văn Thanh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
43	2167040071	Lê Thu Ngà	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
44	2427010556	La Thị Thu Duyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
45	2427010801	Vũ Thị Oanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
46	2427010051	Lê Thị Châu	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
47	2167040038	Nguyễn Thu Hằng	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
48	2167040110	Trần Ánh Vân	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
49	2437042112	Nguyễn Phương Thảo	2TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
50	2167040117	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
51	0223B0239	Trần Minh Hằng	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
52	2427010180	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
53	2167040080	Nguyễn Thành Noi	2VBT21-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
54	2167010284	Trương Trung Hiếu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
55	2427010762	Đỗ Thùy	Ngân	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
56	2427010851	Ngô Nhật	Thanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
57	2427010073	Lâm Văn	Đông	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
58	2167040099	Chu Liên	Thương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
59	2167040085	Nguyễn Thị	Sinh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
60	0223D1202	Nguyễn Hải	Yến	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
61	2167040059	Lê Phương	Lan	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
62	2427010523	Nguyễn Như	Đại	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
63	2167040031	Hoàng Thị Trà	Giang	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
64	2367040054	Phan Thị Hà	Linh	2VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	63PML2SCS	2	MT	
65	2467010297	Trần Bá	Nam	1VBA24-2	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
66	2467040216	Trần Thị	Thoa	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML2SCS	2	MT	
67	2437071034	Hoàng Hải	Long	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	64PML1POE, 64PML3HCM	4	MT	
68	2237040104	Nguyễn Thị	Phương	4TCT-21-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
69	2167040029	Phan Hương	Giang	1VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
70	2427010283	Trần Đức	Nguyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
71	2437072059	Tạ Thị	Nhung	1TCH-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML3HCM	9	MT	
72	2267010158	Chu Hồng	Thu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
73	2427010166	Trương Thị Hồng	Hương	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML3HCM	11	MT	
74	2467010249	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
75	0222C0156	Trần Thị Minh	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
76	2467010224	Đoàn Đức	Giang	1VBA24-2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
77	2467010208	Nguyễn Khắc	Đại	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
78	2167040021	Nguyễn Anh	Đức	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
79	2337040017	Đồng Văn	Chinh	1TCT-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
80	2467040237	Khuất Thị	Vang	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
81	2167040084	Phạm Thị	Quỳnh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
82	2167040040	Cao Mỹ	Hạnh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
83	2427010181	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
84	2427010059	Nguyễn Thị Kim	Cúc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
85	1901040227	Lê Thanh	Trang	5C-19	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	61PML1PML, 61PML1POE, 61PML2HVC, 61PML2SCS	9	MT	
86	2167040105	Nguyễn Quỳnh	Trang	3VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
87	0223C0513	Đỗ Thị	Hiền	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML2GEL	2	MT	
88	2437072030	Nguyễn Thị	Hạnh	1TCH-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML2HVC, 64PML2SCS	7	MT	
89	2427010497	Nguyễn Thị	Ánh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
90	2167040062	Nguyễn Thị	Linh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
91	2167040072	Nguyễn Thị	Ngân	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
92	2167040069	Trần Thị Thanh	Nga	3VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
93	2337070082	Nguyễn Diệu	Thùy	1TCH-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PML2SCS	2	MT	
94	2427010035	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	1TXA24.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
95	2467010390	Nguyễn Thị	Yến	1VBA24-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
96	2427010158	Lê Thị Quỳnh	Hương	5TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
97	2167040101	Trần Thanh	Trà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
98	2437042001	Phạm Thu	An	1TCT-24-2	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML3HCM	11	MT	
99	0223D1060	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
100	2427010017	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
101	2467010314	Bùi Thị	Nguyệt	1VBA24-2	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
102	2467010073	Lê Thị Thanh	Huyền	1VBA24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
103	2437071019	Ngô Thị Thanh	Hiếu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
104	0223D1178	Vũ Thị Hồng	Tươi	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
105	0222C0242	Trần Thị	Mơ	1TXA22.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
106	3237010020	Nguyễn Minh	Ngọc	1TCA-32	HỌC VIỆN QUÂN Y	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
107	2427010327	Lê Thị Hồng	Sen	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐỒ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
108	2427010474	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
109	1937040030	Vũ Thị	Phương	1TCT-19	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	64PML1ML1, 64PML1ML2, 64PML3HCM, 64PML3RCM	10	MT	
110	0223C0641	Nguyễn Việt	Phong	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
111	0223A0060	Nguyễn Thu	Hương	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
112	2427010425	Tạ Kim	Tuyển	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
113	2427010713	Trần Thị Mỹ	Linh	7TXA24.2	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
114	2467010191	Võ Hoàng	Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
115	2467040221	Tạ Hoài	Thương	1VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	11	MT	

2/1/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
116	2427010962	Nguyễn Thị Hồng Vân	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
117	2167040097	Nguyễn Thị Giang Thư	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
118	0223C0410	Trần Thị Lan Anh	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
119	2427010083	Trần Thị Dung	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
120	2437042135	Phùng Tố Uyên	3TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
121	2167040095	Nguyễn Thuý Anh Thơ	3VBT21-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
122	2467010222	Trương Quang Duy	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2HVC, 63PML3HCM	9	MT	
123	2427010153	Nguyễn Văn Hùng	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML3HCM	11	MT	
124	2427010813	Ngô Thị Phương	1TXA23.4.HN	KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
125	2427010548	Nguyễn Thị Quế Dương	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
126	2167040073	Nguyễn Minh Ngọc	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
127	0223D1113	Đỗ Thị Thanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐỒ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
128	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
129	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc Anh	1TXA22.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
130	2267040047	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
131	2427010398	Hoàng Ngọc Minh Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
132	2167040004	Nguyễn Phương Anh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
133	2427010122	Vũ Lê Diễm Hằng	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML3HCM	9	MT	
134	0223C0502	Nguyễn Đức Hậu	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
135	2427010777	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2TXA24.2	ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
136	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
137	2467010307	Bùi Bảo Ngọc	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
138	2467010296	Nguyễn Lê Trà My	1VBA24-2	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
139	2167040036	Vũ Thị Thu Hà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
140	0223D0903	Trần Mĩ Hạnh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
141	2427010080	Nguyễn Thị Dung	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
142	2437071051	Đỗ Hoài Thu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
143	3237010007	Bùi Duy Cương	1TCA-32	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
144	2237040202	Phạm Thị Vân Anh	1TCT-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
145	2167040012	Nguyễn Quỳnh Anh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
146	2427010231	Võ Thị Lý	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
147	2167040022	Nguyễn Thị Thuý Dương	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
148	2167040076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
149	2267040149	Lê Thị Hiền	1VBT22-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
150	2427010645	Tào Quỳnh Hương	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
151	2467010391	Lê Quang Huy	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
152	2267040057	Nguy Mỹ Linh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
153	3237010017	Lê Ngọc Khánh	1TCA-32	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
154	2427010447	Hoàng Thị Hải Yến	4TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
155	2467040144	Nguyễn Tú Anh	2VBT24-2	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	63PML2HVC, 63PML2SCS	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
156	0223A0069	Trần Gia Huy	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
157	0223A0013	Nguyễn Thị Vân Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
158	2427010589	Bùi Thị Hồng Hạnh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
159	2427010391	Lê Thị Thủy Tiên	1TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
160	2437012050	Đào Minh Nam	1TCA-24-2	HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
161	2427010626	Đặng Thị Hợp	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
162	2427010592	Vũ Hồng Hạnh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
163	2427010337	Lê Thị Thanh	1TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
164	2427010286	Trương Ánh Nguyệt	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
165	2437071041	Đặng Bích Ngọc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
166	2167040014	Giang Mạnh Cẩm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
167	2467040173	Nguyễn Thanh Huyền	1VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
168	2427010363	Phạm Thị Thu	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
169	0221D0826	Nguyễn Mạnh Hùng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
170	2427010714	Trương Thị Linh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
171	2427010308	Nguyễn Thị Phương	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
172	2427011248	Nguyễn Hồng Ngọc	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
173	2437071046	Nguyễn Thị Minh Phương	1TCH-24-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
174	2427010103	Nguyễn Thu Hà	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
175	3137010039	Đặng Công Huy	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	

S. A. O. T. A.

2/1/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
176	2427010384	Nguyễn Thị Thùy	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
177	2427010701	Nguyễn Phương Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
178	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	11	MT	
179	2337040001	Nguyễn Thu Thuận An	2TCT-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
180	2427010403	Nguyễn Thị Huyền Trang	2TXA24.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
181	2427010804	Trịnh Thị Phúc	6TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
182	2427010760	Phạm Kiều Nga	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
183	2467010379	Đặng Đình Tuyên	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
184	2267040076	Phạm Thị Nụ	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
185	0223D1047	Phạm Thị Bích Ngọc	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
186	2467010177	Hoàng Phương Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
187	2367040111	Nguyễn Thị Trang	3VBT23-1	HỌC VIỆN HẬU CẦN	63PML2SCS	2	MT	
188	2204050081	Nguyễn Thị Khánh Hòa	1M-22	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG	61PML1PML	3	8.6	

Danh sách gồm 188 sinh viên 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỢT 3 NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chí	Kết quả	
1	0223D1113	Đỗ Thị	Thanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐỒ	65PED1OMR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
2	2167040097	Nguyễn Thị Giang	Thư	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
3	2437071019	Ngô Thị Thanh	Hiếu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64PED1OMR, 64PED1VB1, 64PED1VB2	3	MT	
4	0223A0013	Nguyễn Thị Vân	Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
5	2467010178	Huỳnh Phương	Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
6	2427010073	Lâm Văn	Đông	4TXA24.1	VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
7	2237040202	Phạm Thị Vân	Anh	1TCT-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
8	2267040047	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
9	2427010813	Ngô Thị	Phương	1TXA23.4.HN	KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
10	2427010096	Đặng Thu	Hà	2TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
11	2427010531	Đinh Thị	Dư	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1MDR	1	MT	
12	2427010083	Trần Thị	Dung	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1VB2	3	MT	
13	2467040135	Nguyễn Thị	Yến	2VBT24-1	KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
14	2367010016	Tạ Ngọc	Ánh	1VBA23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
15	2427010231	Võ Thị	Lý	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
16	0223C0410	Trần Thị Lan	Anh	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
17	2167040046	Phùng Thị	Hoa	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
18	2167040110	Trần Ánh	Vân	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1OMR, 63PED1PP1	3	MT	
19	2467010314	Bùi Thị	Nguyệt	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
20	0223A0069	Trần Gia	Huy	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
21	2427010804	Trịnh Thị	Phúc	6TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
22	3237010017	Lê Ngọc	Khánh	1TCA-32	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	64PED1BB1, 64PED1OMR	2	MT	
23	2267040015	Nguyễn Thị	Diệp	2VBT22-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
24	2467040226	Nguyễn Huyền	Trang	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1FF1, 63PED1FF2, 63PED1MDR	3	MT	
25	2467010201	Lê Bảo	Chi	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
26	2427010933	Trần Thu	Trang	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
27	2167040036	Vũ Thị Thu	Hà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
28	2427010425	Tạ Kim	Tuyến	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
29	2437072029	Nguyễn Việt	Hà	1TCH-24-2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	64PED1AB1, 64PED1BB1, 64PED1PP1	3	MT	



Handwritten signature or mark.

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chi	Kết quả	
30	2427010059	Nguyễn Thị Kim	Cúc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
31	2167040038	Nguyễn Thu	Hằng	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
32	2427010701	Nguyễn Phương	Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
33	0222C0242	Trần Thị	Mơ	1TXA22.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
34	2427010180	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
35	2467010296	Nguyễn Lê Trà	My	1VBA24-2	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PED1MDR	1	MT	
36	0222C0156	Trần Thị Minh	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
37	2427010103	Nguyễn Thu	Hà	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
38	2437042135	Phùng Tô	Uyên	3TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
39	0221D0826	Nguyễn Mạnh	Hùng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
40	2237040104	Nguyễn Thị	Phương	4TCT-21-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
41	3237010007	Bùi Duy	Cương	1TCA-32	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	64PED1OMR, 64PED1VB1	2	MT	
42	2167040084	Phạm Thị	Quỳnh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
43	2427010080	Nguyễn Thị	Dung	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
44	2427010337	Lê Thị	Thanh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
45	2467010391	Lê Quang	Huy	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1FF1	2	MT	
46	2427010447	Hoàng Thị Hải	Yến	4TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
47	2437042001	Phạm Thu	An	1TCT-24-2	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64PED1LJP, 64PED1MDR, 64PED1OMR	3	MT	
48	2467010379	Đặng Đình	Tuyền	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
49	2427010327	Lê Thị Hồng	Sen	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐỒ	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
50	2467010185	Nguyễn Thị Lê	Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
51	2167040021	Nguyễn Anh	Đức	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
52	2467040237	Khuất Thị	Vang	2VBT24-2	TRUNG TÂM GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
53	2267040193	Nguyễn Hồng	Ngọc	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
54	2427010051	Lê Thị	Châu	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
55	0223B0239	Trần Minh	Hằng	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
56	0223D1099	Đỗ Thị	Quyên	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
57	2427010762	Đỗ Thùy	Ngân	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
58	2427010851	Ngô Nhật	Thanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
59	2437072059	Tạ Thị	Nhung	1TCH-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	64PED1OMR	1	MT	
60	2167040004	Nguyễn Phương	Anh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
61	2427010660	Hoàng Thị Thanh	Huyền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
62	2167040012	Nguyễn Quỳnh	Anh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
63	2467040173	Nguyễn Thanh	Huyền	1VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1LJP, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chí	Kết quả	
64	2337040001	Nguyễn Thu Thuận An	2TCT-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
65	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR	1	MT	
66	2427010754	Kiều Hạnh	1TXA24.2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
67	2427010611	Lê Trung Hiếu	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH KINH TẾ THƯƠNG HẢI	65PED1PP1, 65PED1PP2	2	MT	
68	2167040105	Nguyễn Quỳnh Trang	3VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
69	2467010297	Trần Bá Nam	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
70	0223C0641	Nguyễn Việt Phong	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
71	2167040099	Chu Liên Thương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
72	2427010427	Trần Thị Tuyết	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
73	2167040040	Cao Mỹ Hạnh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
74	2167040014	Giang Mạnh Cẩm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
75	2437071051	Đỗ Hoài Thu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
76	0223C0517	Nguyễn Thị Thu Hiền	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
77	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	1TCNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1OMR, 64PED1PP1	3	MT	
78	2427010801	Vũ Thị Oanh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
79	2437071046	Nguyễn Thị Minh Phương	1TCH-24-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
80	2427010931	Nguyễn Thùy Trang	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
81	2427010474	Nguyễn Ngọc Mai Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
82	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
83	2167040031	Hoàng Thị Trà Giang	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
84	2427010713	Trần Thị Mỹ Linh	7TXA24.2	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
85	2427010153	Nguyễn Văn Hùng	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
86	2167040085	Nguyễn Thị Sinh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
87	2427010548	Nguyễn Thị Quế Dương	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
88	2167040076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
89	2427010384	Nguyễn Thị Thủy	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
90	2427010308	Nguyễn Thị Phương	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
91	2167040071	Lê Thu Ngà	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
92	0223D1047	Phạm Thị Bích Ngọc	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
93	2427010760	Phạm Kiều Nga	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
94	0223D1178	Vũ Thị Hồng Tươi	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
95	2167040062	Nguyễn Thị Linh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
					Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
96	2467010222	Trương Quang Duy	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1LJP, 63PED1MDR, 63PED1PP1	3	MT	
97	2427010072	Phan Văn Đoàn	2TXA24.1	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
98	2467010191	Võ Hoàng Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
99	2427010391	Lê Thị Thùy Tiên	1TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
100	2467010073	Lê Thị Thanh Huyền	1VBA24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
101	2427010962	Nguyễn Thị Hồng Vân	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1AB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
102	2427010592	Vũ Hồng Hạnh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
103	2427010158	Lê Thị Quỳnh Hương	5TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
104	2427010403	Nguyễn Thị Huyền Trang	2TXA24.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
105	2267040005	Đặng Thị Kim Anh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
106	2437072028	Tạ Thị Thanh Hà	1TCH-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PED1OMR, 64PED1VB1	2	MT	
107	0223C0502	Nguyễn Đức Hậu	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
108	2427010626	Đặng Thị Hợp	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
109	2167040029	Phan Hương Giang	1VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1VB2	3	MT	
110	2427010159	Luong Thị Hương	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
111	3137010039	Đặng Công Huy	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	64PED1AB1, 64PED1BB1, 64PED1MDR	3	MT	
112	2427010283	Trần Đức Nguyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
113	2427010122	Vũ Lê Diễm Hằng	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
114	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1LJP, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
115	2467010231	Trần Bích Hà	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
116	2467010208	Nguyễn Khắc Đại	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
117	0223D0903	Trần Mĩ Hạnh	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
118	2427010262	Nguyễn Thị Thanh Nga	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐÔ	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
119	2467010249	Nguyễn Thị Kim Hồng	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	63PED1VB1, 63PED1VB2	2	MT	
120	2427010557	Bùi Thị Huyền Giang	7TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
121	2427010286	Trương Ánh Nguyệt	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PED1LJP, 65PED1OMR	2	MT	
122	2167040091	Nguyễn Văn Thanh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
123	0223D1060	Nguyễn Thị Yến Nhi	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
124	2167040095	Nguyễn Thuý Anh Thơ	3VBT21-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
125	3237010020	Nguyễn Minh Ngọc	1TCA-32	HỌC VIỆN QUÂN Y	64PED1MDR, 64PED1OMR, 64PED1VB1	3	MT	
126	2167040073	Nguyễn Minh Ngọc	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
127	2427010556	La Thị Thu Duyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
128	2427010017	Nguyễn Thị Tuyết Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
129	2437071034	Hoàng Hải Long	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	64PED1AB1, 64PED1AB2, 64PED1MDR	3	MT	
130	2167040060	Dương Thị Lan	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chí	Kết quả	
131	2267040057	Nguyệ Mỹ	Linh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
132	0221C0675	Nguyễn Đình	Dương	1TXA21.3.HN	HỌC VIỆN QUÂN Y	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
133	2167040072	Nguyễn Thị	Ngân	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
134	2167040059	Lê Phương	Lan	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
135	2437071041	Đặng Bích	Ngọc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	64PED1PP1, 64PED1VB1	2	MT	
136	2467010307	Bùi Bảo	Ngọc	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
137	2427010569	Nguyễn Hải	Hà	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
138	2427010181	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
139	2427010644	Phạm Lê Dạ	Hương	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
140	2467010342	Đỗ Chí	Thành	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
141	2427010035	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	1TXA24.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65PED1FF1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
142	2167010284	Trương Trung	Hiếu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
143	2427011080	Nguyễn Trà	Giang	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
144	2237040009	Đỗ Thị Mai	Anh	4TCT-21-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
145	2267010158	Chu Hồng	Thu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
146	2167040101	Trần Thanh	Trà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
147	2267040076	Phạm Thị	Nụ	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
148	2467010177	Hoàng Phương	Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HUNG YÊN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
149	2267040037	Đinh Minh	Hiền	1VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
150	0223A0060	Nguyễn Thu	Hương	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1OMR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
151	2427010645	Tào Quỳnh	Hương	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1FF1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
152	0223A0145	Trần Thanh	Thảo	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
153	2427010714	Trương Thị	Linh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
154	0221A0069	Lê Bảo	Ngọc	1TXK31.A1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
155	2427010697	Hà Nhật	Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
156	2437012050	Đào Minh	Nam	1TCA-24-2	HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN	64PED1BB1, 64PED1BB2, 64PED1MDR	3	MT	
157	2437071007	Lê Thị	Cúc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
158	2437042112	Nguyễn Phương	Thảo	2TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
159	2167040001	Cù Thị Lưu	An	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
160	2427010398	Hoàng Ngọc Minh	Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
161	2267040166	Dương Hoàng	Lan	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1BB2, 63PED1MDR	3	MT	
162	2467040079	Nguyễn Thị	Minh	1VBT24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1VB1, 63PED1VB2	3	MT	
163	2427010523	Nguyễn Như	Đại	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
164	2427010589	Bùi Thị Hồng	Hạnh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
165	2167040080	Nguyễn Thành	Nơi	2VBT21-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

24/11

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chí	Kết quả	
166	2167040022	Nguyễn Thị Thuý	Dương	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
167	2167040094	Trần Thiên Trang	Thơ	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
168	2467010224	Đoàn Đức	Giang	1VBA24-2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
169	2467010390	Nguyễn Thị	Yến	1VBA24-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63PED1MDR, 63PED1OMR, 63PED1PP1	3	MT	
170	2467040181	Nguyễn Thị	Linh	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
171	2427010363	Phạm Thị	Thư	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
172	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc	Anh	1TXA22.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
173	2267040106	Hoàng Thị Diệp	Trang	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
174	2427010940	Lê Hoàng	Trung	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
175	2427010497	Nguyễn Thị	Ánh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
176	2167040054	Lê Thị	Hương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
177	2267040062	Lê Thị	Lưu	1VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
178	2267040209	Vũ Thị	Tho	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	63PED1LJP, 63PED1MDR, 63PED1VB1	3	MT	
179	2427010777	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
180	2467040218	Lê Thị	Thu	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
181	2167040117	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
182	2167040069	Trần Thị Thanh	Nga	3VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
183	0222D0365	Phạm Thị Phương	Hoa	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ QUỐC GIA MATXCOPA- LB NGA	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1VB1	3	MT	
184	2137040015	Nguyễn Thị Lan	Hương	1TCT-21	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
185	2427010166	Trương Thị Hồng	Hướng	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
186	0223D1202	Nguyễn Hải	Yến	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
187	2467010370	Vũ Hương	Trang	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1MDR, 63PED1PP1	3	MT	
188	2427011248	Nguyễn Hồng	Ngọc	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
189	2204050081	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	1M-22	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG	61PED1BB1	1	7.3	
						61PED1VB1	1	8.8	

Danh sách gồm 189 sinh viên 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
1	2437012050	Đào Minh Nam	1TCA-24-2	HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN	12/06/2006	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
2	3137010039	Đặng Công Huy	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	30/09/2018	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
3	3237010017	Lê Ngọc Khánh	1TCA-32	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	27/08/2021	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
4	3237010020	Nguyễn Minh Ngọc	1TCA-32	HỌC VIỆN QUÂN Y	18/07/2023	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
5	2437071007	Lê Thị Cúc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	07/05/2019	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
6	2437071019	Ngô Thị Thanh Hiếu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	20/08/2020	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
7	2437071034	Hoàng Hải Long	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	18/04/2023	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
8	2437071041	Đặng Bích Ngọc	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	21/11/2017	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
9	2437071046	Nguyễn Thị Minh Phương	1TCH-24-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	23/07/2018	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
10	2437071051	Đỗ Hoài Thu	1TCH-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	28/09/2017	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
11	2437072059	Tạ Thị Nhung	1TCH-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHƯƠNG ĐÔNG	08/03/2017	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
12	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	1TCNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/12/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
13	2137040002	Nguyễn Thị Vân Anh	1TCT-21	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	21/06/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
14	2237040202	Phạm Thị Vân Anh	1TCT-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	06/12/2022	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
15	2437042001	Phạm Thu An	1TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	27/07/2018	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
16	0221C0675	Nguyễn Đình Dương	ITXA21.3.H N	HỌC VIỆN QUẢN Y	12/07/2011	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
17	0221D0892	Trịnh Hoàng Minh	ITXA21.4.N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/12/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
18	0222C0242	Trần Thị Mơ	ITXA22.3.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	07/06/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
19	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc Anh	ITXA22.3.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	14/08/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
20	0221D0826	Nguyễn Mạnh Hùng	ITXA22.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	06/07/2015	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
21	0223C0641	Nguyễn Việt Phong	ITXA22.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	06/09/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
22	0223A0060	Nguyễn Thu Hương	ITXA23.1.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	19/06/2013	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
23	0223A0069	Trần Gia Huy	ITXA23.1.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	25/12/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
24	0223B0239	Trần Minh Hằng	ITXA23.2.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	21/05/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
25	2427010645	Tào Quỳnh Hương	ITXA23.2.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
26	2427010962	Nguyễn Thị Hồng Vân	ITXA23.2.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/01/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
27	0223C0410	Trần Thị Lan Anh	ITXA23.3.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM	31/01/2003	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
28	0223C0502	Nguyễn Đức Hậu	ITXA23.3.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	24/01/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
29	0223C0517	Nguyễn Thị Thu Hiền	ITXA23.3.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	03/03/2023	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
30	2427010059	Nguyễn Thị Kim Cúc	ITXA23.3.H N	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	28/06/2023	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
31	0223D0903	Trần Mĩ Hạnh	ITXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	15/10/2011	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
32	0223D1047	Phạm Thị Bích Ngọc	ITXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/06/2002	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
33	0223D1060	Nguyễn Thị Yến Nhi	ITXA23.4.H N	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	13/08/2013	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
34	0223D1099	Đỗ Thị Quyên	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	18/06/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
35	0223D1113	Đỗ Thị Thanh	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ	31/08/2001	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
36	0223D1178	Vũ Thị Hồng Tươi	1TXA23.4.H N	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG HÀ NỘI 2	04/07/2009	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
37	0223D1202	Nguyễn Hải Yến	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	24/02/2021	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
38	2427010660	Hoàng Thị Thanh Huyền	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	12/10/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
39	2427010801	Vũ Thị Oanh	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	16/11/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
40	2427010813	Ngô Thị Phương	1TXA23.4.H N	KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	06/07/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
41	2427010931	Nguyễn Thùy Trang	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	24/03/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
42	2427010933	Trần Thu Trang	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	16/01/2020	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
43	0222C0156	Trần Thị Minh Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	26/09/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
44	0223A0145	Trần Thanh Thảo	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	14/06/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
45	2427010017	Nguyễn Thị Tuyết Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	22/09/2015	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
46	2427010035	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1TXA24.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	17/04/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
47	2427010283	Trần Đức Nguyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	29/09/2020	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
48	2427010337	Lê Thị Thanh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	20/08/2005	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
49	2427010391	Lê Thị Thùy Tiên	1TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	04/04/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
50	2427010940	Lê Hoàng Trung	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	16/06/2021	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
51	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	07/05/2021	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
52	0223A0013	Nguyễn Thị Vân Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	01/11/1998	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
53	2427010474	Nguyễn Ngọc Mai Anh	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	01/07/2020	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
54	2427010754	Kiều Hạnh Nga	1TXA24.2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	10/07/2012	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
55	2167010284	Trương Trung Hiếu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	27/08/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
56	2267010158	Chu Hồng Thu	1VBA22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	25/03/2022	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
57	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	28/06/2013	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
58	2467010073	Lê Thị Thanh Huyền	1VBA24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	16/06/2010	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
59	2467010177	Hoàng Phương Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	31/08/2023	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
60	2467010191	Võ Hoàng Anh	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	18/04/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
61	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
62	2467010201	Lê Bảo Chi	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	21/06/2024	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
63	2467010208	Nguyễn Khắc Đại	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	20/10/2011	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
64	2467010224	Đoàn Đức Giang	1VBA24-2	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	01/07/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
65	2467010249	Nguyễn Thị Kim Hồng	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG	08/08/2023	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
66	2467010296	Nguyễn Lê Trà My	1VBA24-2	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	24/02/2023	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
67	2467010297	Trần Bá Nam	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	03/08/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
68	2467010307	Bùi Bảo Ngọc	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	24/07/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
69	2467010314	Bùi Thị Nguyệt	1VBA24-2	ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	30/06/2011	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
70	2467010342	Đỗ Chí Thành	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	06/03/2000	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
71	2467010370	Vũ Hương Trang	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/08/2022	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
72	2467010379	Đặng Đình Tuyên	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	16/07/2014	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
73	2467010390	Nguyễn Thị Yến	1VBA24-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	24/08/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
74	2467010391	Lê Quang Huy	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	02/07/2024	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
75	2167040001	Cù Thị Lưu An	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	04/09/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
76	2167040021	Nguyễn Anh Đức	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	21/04/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
77	2167040029	Phan Hương Giang	1VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	15/07/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
78	2167040036	Vũ Thị Thu Hà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	30/06/2010	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
79	2167040038	Nguyễn Thu Hằng	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	22/05/2014	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
80	2167040060	Dương Thị Lan	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	11/07/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
81	2167040073	Nguyễn Minh Ngọc	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	28/01/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
82	2167040097	Nguyễn Thị Giang Thư	1VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	15/05/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
83	2167040101	Trần Thanh Trà	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	12/06/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
84	2167040110	Trần Ánh Vân	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/07/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
85	2167040117	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	20/10/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
86	2267040037	Đinh Minh Hiền	1VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	31/05/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
87	2267040149	Lê Thị Hiền	1VBT22-2	ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP 1 HÀ NỘI	15/01/2007	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
88	2267040166	Dương Hoàng Lan	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	22/10/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
89	2267040193	Nguyễn Hồng Ngọc	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	24/10/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
90	2267040209	Vũ Thị Tho	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	02/04/2009	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
91	2467040173	Nguyễn Thanh Huyền	1VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	22/07/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
92	2337040001	Nguyễn Thu Thuận An	2TCT-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	30/09/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
93	2437042104	Nguyễn Thị Quỳnh	2TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH	12/04/2018	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
94	2437042112	Nguyễn Phương Thảo	2TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	22/07/2020	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
95	2427010072	Phan Văn Đoàn	2TXA24.1	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	31/12/2004	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
96	2427010080	Nguyễn Thị Dung	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	23/07/2010	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
97	2427010096	Đặng Thu Hà	2TXA24.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	15/03/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
98	2427010166	Trương Thị Hồng Hương	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	02/06/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
99	2427010327	Lê Thị Hồng Sen	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐÔ	24/03/2001	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
100	2427010523	Nguyễn Như Đại	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG	06/07/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
101	2427010626	Đặng Thị Hợp	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	28/06/2004	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
102	2427010760	Phạm Kiều Nga	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	09/07/2002	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
103	2427010777	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	10/07/2001	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
104	2167040004	Nguyễn Phương Anh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	16/07/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
105	2167040014	Giang Mạnh Cẩm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	04/03/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
106	2167040022	Nguyễn Thị Thuý Dương	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG	15/08/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
107	2167040031	Hoàng Thị Trà Giang	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	26/02/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
108	2167040071	Lê Thu Nga	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	30/06/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
109	2167040076	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	25/09/2015	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
110	2167040080	Nguyễn Thành Nơi	2VBT21-1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	12/12/2014	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
111	2167040084	Phạm Thị Quỳnh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	28/06/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
112	2167040094	Trần Thiên Trang Thơ	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	29/06/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
113	2267040047	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	10/10/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
114	2267040057	Nguy Mỹ Linh	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	26/06/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
115	2267040015	Nguyễn Thị Diệp	2VBT22-1	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG HÀ NỘI I	27/05/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
116	2467040135	Nguyễn Thị Yến	2VBT24-1	KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	13/09/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
117	2467040179	Nguyễn Thị Lê	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	22/02/2024	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
118	2467040181	Nguyễn Thị Linh	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	31/10/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
119	2467040218	Lê Thị Thu	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	06/04/2023	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
120	2467040220	Nguyễn Thị Thu	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/08/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
121	2467040237	Khuất Thị Vang	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	20/11/2009	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
122	2437042135	Phùng Tố Uyên	3TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	16/04/2025	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
123	2427010122	Vũ Lê Diễm Hằng	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	20/06/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
124	2427010181	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	01/08/2006	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
125	2427010262	Nguyễn Thị Thanh Nga	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐỒNG ĐỒ	20/06/2005	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
126	2427010427	Trần Thị Tuyết	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	17/10/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
127	2427010548	Nguyễn Thị Quế Dương	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	29/07/2007	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
128	2427010589	Bùi Thị Hồng Hạnh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	10/01/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
129	2167040012	Nguyễn Quỳnh Anh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	07/10/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
130	2167040040	Cao Mỹ Hạnh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	07/06/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
131	2167040046	Phùng Thị Hoa	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	25/06/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
132	2167040054	Lê Thị Hương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN	04/09/2015	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
133	2167040059	Lê Phương Lan	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	18/12/2018	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
134	2167040062	Nguyễn Thị Linh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	18/10/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
135	2167040069	Trần Thị Thanh Nga	3VBT21-1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	21/05/2014	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
136	2167040072	Nguyễn Thị Ngân	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	15/06/2021	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
137	2167040085	Nguyễn Thị Sinh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	23/07/2010	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
138	2167040091	Nguyễn Văn Thanh	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	20/03/1998	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
139	2167040095	Nguyễn Thuý Anh Thơ	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	06/07/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
140	2167040099	Chu Liên Thương	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	26/11/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
141	2167040105	Nguyễn Quỳnh Trang	3VBT21-1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	15/05/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
142	2267040076	Phạm Thị Nụ	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	17/07/2020	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
143	2267040106	Hoàng Thị Diệp Trang	3VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	19/05/2016	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
144	2267040005	Đặng Thị Kim Anh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	08/03/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
145	2267040100	Hà Thị Phương Trâm	3VBT22-1	TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 1	21/08/2017	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
146	2237040104	Nguyễn Thị Phương	4TCT-21-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN-ĐHQG HÀ NỘI	21/06/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
147	2427010073	Lâm Văn Đông	4TXA24.1	VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	25/07/2007	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
148	2427010103	Nguyễn Thu Hà	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	20/10/2008	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
149	2427010153	Nguyễn Văn Hùng	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	06/04/1994	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
150	2427010180	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	14/01/2025	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
151	2427010231	Võ Thị Lý	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	06/08/2015	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
152	2427010308	Nguyễn Thị Phương	4TXA24.1	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG HÀ NỘI 2	27/10/2010	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
153	2427010363	Phạm Thị Thu	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	31/01/2023	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
154	2427010425	Tạ Kim Tuyền	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	21/05/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
155	2427010447	Hoàng Thị Hải Yến	4TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	11/03/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
156	2427010697	Hà Nhật Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	30/06/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
157	2427010701	Nguyễn Phương Linh	4TXA24.2	TRƯỜNG QUÂN SỰ - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH HƯNG YÊN	16/01/2020	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
158	2427010051	Lê Thị Châu	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	10/07/2006	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
159	2427010083	Trần Thị Dung	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/06/2011	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
160	2427010158	Lê Thị Quỳnh Hương	5TXA24.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	22/08/2023	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
161	2427010159	Lương Thị Hương	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	13/01/2015	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
162	2427010286	Trương Ánh Nguyệt	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	06/08/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
163	2427010384	Nguyễn Thị Thủy	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	23/10/2012	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
164	2427011080	Nguyễn Trà Giang	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/12/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
165	2427011248	Nguyễn Hồng Ngọc	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/08/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
166	2427010497	Nguyễn Thị Ánh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	28/12/2012	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
167	2427010531	Đinh Thị Dư	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	22/06/2013	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
168	2427010569	Nguyễn Hải Hà	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	09/07/2001	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
169	2427010592	Vũ Hồng Hạnh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	13/01/2015	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
170	2427010644	Phạm Lê Dạ Hương	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	25/06/2011	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
171	2427010804	Trịnh Thị Phúc	6TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	10/05/2021	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
172	2427010557	Bùi Thị Huyền Giang	7TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	15/03/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
173	2427010713	Trần Thị Mỹ Linh	7TXA24.2	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	14/09/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
174	2427010762	Đỗ Thùy Ngân	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	29/03/2018	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
175	2427010556	La Thị Thu Duyên	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	10/08/2011	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
176	2467040079	Nguyễn Thị Minh	1VBT24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	29/04/2009	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
177	2427010398	Hoàng Ngọc Minh Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	05/03/2019	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
178	2427010714	Trương Thị Linh	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	28/03/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
179	2407090033	Ngô Thùy Dương	1I-24	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	29/11/2024	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
180	2407020038	Đặng Thị Thanh Huyền	1N-24	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	29/11/2024	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
181	2406080024	Nguyễn Thị Nhân	1Q-24ACN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	29/07/2024	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
182	2337040016	Nguyễn Thị Minh Chi	1TCT-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/06/2023	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
183	2437042049	Đinh Thị Ngân Hoa	1TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	28/08/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
184	0222A0053	Hoàng Thị Thêu	1TXA22.1.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	28/08/2024	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
185	2427010851	Ngô Nhật Thanh	1TXA23.4.H N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM	27/10/2021	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
186	2427010611	Lê Trung Hiếu	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	07/12/2007	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
187	0220b0127	Nguyễn Thị Thu Minh	1TXK30.A1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	30/06/2002	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
188	2407100071	Vũ Thị Phương	2B-24	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	29/11/2024	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
189	2437042036	Đàm Quỳnh Giang	2TCT-24-2	TRUNG TÂM GDQP & AN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	12/08/2020	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
190	2427010403	Nguyễn Thị Huyền Trang	2TXA24.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	24/02/2016	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
191	2437042082	Phạm Thuý Lương	3TCT-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	19/12/2023	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
192	2427010112	Vũ Nhật Hạ	4TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	24/08/2022	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
193	2407060139	Lê Duy Anh	5NB-24	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI	27/10/2023	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
194	3537010047	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	5TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/07/2022	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
195	3537010084	Đỗ Doãn Tâm	5TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	15/03/2024	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
196	3537010105	Lê Anh Trúc	5TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/08/2022	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần/chứng chỉ xin chuyển đổi, công nhận		Học phần tương đương				Ghi chú
				Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
197	2427010761	Cao Thị Thanh Nga	5TXA24.2	CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ	10/06/2013	65NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
198	2437042029	Phí Thị Thùy Dung	2TCT-24-2	CAO ĐẲNG DU LỊCH HÀ NỘI	14/09/2016	64NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
199	2104000006	Lưu Thị Vân Anh	2K-21	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	24.12.2020	61NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	
200	2267040062	Lê Thị Lưu	1VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	07/06/2019	63NDE1NDS	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	MT	

Danh sách gồm 200 sinh viên 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN THUỘC BỘ MÔN NGỮ VĂN VIỆT NAM
ĐỢT 3, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1825, ngày 28 tháng 5 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
I. DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN CÁC HỌC PHẦN NGỮ VĂN VIỆT NAM													
1	2437012050	Đào Minh Nam	1TCA-24-2	Tiếng Việt thực hành	45 tiết	9	Học viện An ninh nhân dân	15/03/2014	64VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
2	2437071041	Đặng Bích Ngọc	1TCH-24-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.5	Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQGHN	18/06/2018	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.2			64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
3	2437071051	Đỗ Hoài Thu	1TCH-24-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.5	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	28/09/2017	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	8.3			64VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
4	2437072028	Tạ Thị Thanh Hà	1TCH-24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.8	Trường Đại học Thương mại	06/06/2023	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
5	2437072030	Nguyễn Thị Hạnh	1TCH-24-2	Lược sử văn hóa Việt Nam	3	6.7	Trường Đại học Hà Nội	26/07/2021	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
6	2437061011	Nguyễn Khánh Huyền	1TCNB-24-1	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	7.1	Trường Đại học Hà Nội	31/12/2024	64VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.4			64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.1			64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	6.9			64VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Văn bản tiếng Việt	2	7.1			64VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
7	0223A0128	Phạm Thị Thu Phương	1TXA23.1.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	5.0	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	30/12/2010	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	6.0			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	6.0			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
8	2467010108	Phạm Thị Ngọc	1VBA24-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.7	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	26/06/2021	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
9	0223C0517	Nguyễn Thị Thu Hiền	1TXA23.3.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.3	Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQGHN	31/03/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.1			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	8.6			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	9.5	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	20/07/2023	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
10	0223C0717	Nguyễn Thị Xuân Tiên	1TXA23.3.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	6.0	Trường Đại học Nha Trang	01/09/2021	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	6.1			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
11	0223D1022	Nguyễn Huyền Minh	1TXA23.4.HN	Tiếng Việt	3	5	Trường Đại học Hà Nội	18/06/2018	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
12	0223D1047	Phạm Thị Bích Ngọc	1TXA23.4.HN	Tiếng Việt	3	5	Trường Đại học Hà Nội	18/06/2002	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
13	0223D1060	Nguyễn Thị Yến Nhi	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6	Học viện Hàng không Việt Nam	13/08/2013	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
14	0223D1099	Đỗ Thị Quyên	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.9	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	18/06/2018	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	5.0			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
15	0223D1113	Đỗ Thị Thanh	1TXA23.4.HN	Dẫn luận ngôn ngữ học đại cương	3	7	Trường Đại học Đông Đô	12/08/2004	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	6			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
16	2427010660	Hoàng Thị Thanh Huyền	1TXA23.4.HN	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	8.8	Trường Đại học Ngoại thương	12/10/2016	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.1			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt	2	7.8			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
17	0222C0156	Trần Thị Minh Anh	1TXA24.1	Văn hoá Việt Nam và giao thoa các nền văn hoá	2	8.1	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	26/09/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	9.1			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
18	2427010305	Đào Hoài Phương	1TXA24.1	Cơ sở ngôn ngữ	2	8.9	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	24/07/2020	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 2	2	7.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 1	4	5.3			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
19	2427010983	Nguyễn Thị Hải Yến	1TXA24.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.5	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	08/07/2024	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	6.2			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
20	2427061036	Nguyễn Thảo My	1TXNB-24-1	Cơ sở Văn hoá Việt Nam	3	8.3	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	31/07/2019	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
21	2267010140	Đỗ Thị Phượng	1VBA22-1	Kỹ thuật xây dựng văn bản	2	7	Trường Đại học Luật Hà Nội	01/09/1993	63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
22	2267010271	Nguyễn Thị Huệ	1VBA23-2	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	8.2	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	28/06/2013	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	4.5			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Văn hóa văn minh phương Đông	3	7.8			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Văn hóa văn minh phương Tây	2	8.6							
23	2367010243	Bùi Thị Mỹ Duyên	1VBA23-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.3	Trường Đại học Mở Hà Nội	20/07/2020	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
24	2467010198	Đặng Quỳnh Châu	1VBA24-2	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	6.8	Trường Đại học Hà Nội	07/06/2023	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	6.8			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	6.9			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	6.7			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
				Tiếng Việt trong hành chức	2	6.1			63VIP2VTU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
25	2467010201	Lê Bảo Chi	1VBA24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.0	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	25/07/2023	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	6.6			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.5	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	21/06/2024	63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.2			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
26	2467010249	Nguyễn Thị Kim Hồng	1VBA24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.8	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	08/08/2023	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	8.1			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
27	2467010278	Đào Thị Phương Linh	1VBA24-2	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.6	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	24/06/2024	63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
28	2467010296	Nguyễn Lê Trà My	1VBA24-2	Ngôn ngữ học đại cương	2	7.9	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	24/02/2023	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.3			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
29	2467010307	Bùi Bảo Ngọc	1VBA24-2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	4	7.1	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	24/07/2020	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
30	2467010342	Đỗ Chí Thành	1VBA24-2	Cơ sở Ngôn ngữ	4	5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	02/07/2001	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	5			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	6			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Ngữ pháp tiếng Việt	4	5			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Từ vựng ngữ nghĩa	4	5			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	5			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
31	2267040149	Lê Thị Hiền	1VBT22-2	Dẫn luận Ngôn ngữ	3	9	Trường Đại học Hà Nội	22/11/2019	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt	3	10			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
32	2367040192	Hoàng Thị Phương	1VBT23-2	Đại cương văn hóa Việt Nam	3	7	Học viện Hành chính Quốc gia	14/10/2020	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	8			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt và giao tiếp hành chính	2	9			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Kỹ thuật xây dựng văn bản	4	9			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	8			63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
33	2467040042	Lê Vũ Ngọc Hân	1VBT24-1	Tiếng Việt và soạn thảo văn bản	2	8	Trường Đại học Mở Hà Nội	12/07/2016	63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
34	2467040046	Hoàng Thị Hào	1VBT24-1	Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản văn bản	4	8	Học viện Hành chính Quốc gia	06/07/2016	63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
35	2467040117	Vũ Thị Thu Thủy	1VBT24-1	Lịch sử văn minh thế giới	2	6.9	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	18/05/2023	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
36	2467040173	Nguyễn Thanh Huyền	1VBT24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH QGHN	28/09/2020	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	5	8.5	Trường Đại học Hà Nội	22/07/2020	63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
37	2467040221	Tạ Hoài Thương	1VBT24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH QGHN	14/10/2020	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
38	2337040001	Nguyễn Thu Thuận An	2TCT-23-1	Lịch sử thế giới	3	9.2	Trường Đại học Ngoại thương	30/09/2024	64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
39	2427010072	Phan Văn Đoàn	2TXA24.1	Tiếng Việt thực hành	45 tiết	6	Học viện Hành chính - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia HCM	08/04/2008	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản	90 tiết	9			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
40	2427010166	Trương Thị Hồng Hường	2TXA24.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.5	Trường Đại học Thương mại	02/06/2016	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
41	2427010327	Lê Thị Hồng Sen	2TXA24.1	Tiếng Việt thực hành	2	8	Trường Đại học Dân lập Đông Đô	24/03/2001	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
42	2427010403	Nguyễn Thị Huyền Trang	2TXA24.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	45	7	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	15/06/2016	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Chuyên đề lịch sử thế giới	45	5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	45	7			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
43	2427010565	Đặng Thị Thúy Hà	2TXA24.2	Soạn thảo văn bản	3	8.6	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	02/07/2007	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
44	2427010616	Phan Thị Thanh Hoa	2TXA24.2	Tiếng Việt 1 Tiếng Việt 2	2 2	8 6	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	18/06/2007	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
45	2427010626	Đặng Thị Hợp	2TXA24.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	8	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	28/06/2004	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	8			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	9			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
46	2427010760	Phạm Kiều Nga	2TXA24.2	Nhập môn ngôn ngữ học	4	6	Trường Đại học Hà Nội	09/07/2002	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	7			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	6			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Việt ngữ học	5	5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	4	5			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
47	2427011265	Đào Tuấn Ninh	2TXA24.2	Kỹ thuật xây dựng văn bản	2	7.5	Học viện Ngoại giao	19/06/2015	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
48	2467040084	Nguyễn Linh Ngân	2VBT24-1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	8	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	15/12/2009	63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
49	2427010090	Nguyễn Thị Giang	3TXA24.1	Từ vựng ngữ nghĩa	3	7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	25/06/2003	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Ngữ pháp Tiếng Việt	6	7			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	8							
50	2427010108	Trần Minh Hà	3TXA24.1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	7.8	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	26/07/2019	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
51	2427010181	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3TXA24.1	Đại cương văn hóa Việt Nam	3	6	Trường Đại học Luật Hà Nội	01/08/2006	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử các nền văn minh thế giới	2	8			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
52	2427010398	Hoàng Ngọc Minh Trang	3TXA24.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21/11/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt	3	7.3			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
53	2427010589	Bùi Thị Hồng Hạnh	3TXA24.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	7.6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	13/06/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt 1	3	8.9			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 2	3	8.3							
54	2427010714	Trương Thị Linh	3TXA24.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.0	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	27/07/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt	2	7.9			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
55	2367040051	Lương Thị Linh	3VBT23-1	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	7.5	Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQGHN	11/08/2021	63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	7.2			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.5			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	6.8			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
56	2367040068	Hoàng Xuân Ngọc	3VBT23-1	Văn hóa Việt Nam	3	8.1	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	13/08/2021	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
57	2237040009	Đỗ Thị Mai Anh	4TCT-21-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	5.7	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	12/06/2024	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.4			64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	9.1			64VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
58	2237040104	Nguyễn Thị Phương	4TCT-21-2	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	6.9	Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQGHN	21/06/2024	64VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.2			64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.4			64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Việt ngữ học đại cương	3	9.3			64VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.7			64VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú	
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả		
59	2427010447	Hoàng Thị Hải Yến	4TXA24.1	Cơ sở Văn hoá Việt Nam	2	6.1	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	11/03/2019	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Văn minh văn hoá thế giới	2	8.1			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT		
60	2427010701	Nguyễn Phương Linh	4TXA24.2	Đại cương văn minh nhân loại	2	3.5/4	Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam	31/07/2023	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT		
61	2427010083	Trần Thị Dung	5TXA24.1	Dẫn luận ngôn ngữ	3	5	Trường Đại học Hà Nội	23/06/2011	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT		
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	5.5			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Tiếng Việt	3	7.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT		
62	2427010159	Lương Thị Hương	5TXA24.1	Bản sắc văn hóa Việt Nam	3	B	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	06/07/2017	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
63	2427011080	Nguyễn Trà Giang	5TXA24.1	Lược sử văn hoá Việt Nam	3	5.7	Trường Đại học Hà Nội	31/12/2024	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
64	2427011248	Nguyễn Hồng Ngọc	5TXA24.1	Lược sử văn hóa Việt Nam	3	7.2	Trường Đại học Hà Nội	26/07/2021	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
65	2427010506	Âu Ngọc Minh Châu	6TXA24.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.3	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	26/06/2017	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Lịch sử văn minh thế giới	3	8.8			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT		
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.6			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT		
66	2427010531	Đinh Thị Dư	6TXA24.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	6.9	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH QGHN	22/06/2013	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
67	2427010644	Phạm Lê Dạ Hương	6TXA24.2	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	A+	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	25/06/2011	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT		
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	B			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Văn hóa - văn minh phương Đông	3	A+			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT		
				Văn hóa - văn minh phương Tây	2	B+								
68	2427010744	Phạm Thị Minh	7TXA24.2	Ngôn ngữ học đại cương	2	6.6	Trường Đại học Thăng Long	15/06/2021	65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT		
				Tiếng Việt thực hành	2	6.8			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT		
69	2467010370	Vũ Hương Trang	1VBA24-2	Nhập môn Việt ngữ học	2	8.2	Trường Đại học Hà Nội	09/07/2002	63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT		
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	5.3			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Dẫn luận ngôn ngữ học	2	5.7			63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT		
				Hà Nội học	2	8.1			63VIP2HAS	Hà Nội học	2	MT		
				Tiếng Việt trong hành chức	2	7.3			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT		
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.7	Trường Đại học KHXH & NV - ĐH QGHN	27/06/2011	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT		
				Phân tích diễn ngôn	2	8.5			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT		
				Dẫn luận ngôn ngữ học	2	7.5			63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT		

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp chứng chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
70	2467040237	Khuất Thị Vang	2VBT24-2	Tiếng Việt thực hành	2	8.1	Trường Đại học Mỏ Hà Nội	30/03/2022	63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Từ vựng - ngữ nghĩa học	2	8.1			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Ngữ âm thực hành	2	7.0							
				Ngữ âm lý thuyết	2	8.8							
				Ngữ pháp thực hành	2	8.1							
				Ngữ pháp lý thuyết	2	7.6							
71	3437010002	Phạm Hoàng Ngọc Anh	1TXA22.3.HN	Nhập môn Việt ngữ học	2	6.4	Trường Đại học Hà Nội	21/03/2025	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Dẫn luận ngôn ngữ học	2	6.3			65VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
72	2467010222	Trương Quang Duy	1VBA24-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.5	Trường Đại học Hà Nội	10/06/2024	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Dẫn luận ngôn ngữ học	2	7.8			63VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
73	2337072038	Vũ Bích Phương	1TCH23-1	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	7.8	Trường Đại học Dân lập Phương Đông	17/06/2022	64VIP1INL	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	MT	
74	0221D0745	Hà Trọng Ngọc Bảo	1TXA21.4.HN	Lịch sử văn minh thế giới	2	8.1	Trường Đại học Luật Hà Nội	12/04/2023	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
75	2427010447	Hoàng Thị Hải Yến	4TXA24.1	Tổ chức và biên tập văn bản báo chí	2	8.4	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	11/03/2019	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Kỹ năng tạo lập văn bản	1	7.6							

Danh sách gồm 75 sinh viên 

